VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Văn bản hợp nhất số 57/VBHN-BGTVT ngày 08 tháng 11 năm 2023 hợp nhất Nghị định quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải

(Tiếp theo Công báo số 1203 + 1204)

PHỤ LỤC
MẪU CÁC VĂN BẢN SỬ DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI
(Kèm theo Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ)

1. Mẫu số 01: Đơn đề nghị thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải.

2. Mẫu số 02: Đơn đề nghị phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải.

3. Mẫu số 03: Đơn đề nghị đổi tên cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước.

4. Mẫu số 04: Đơn đề nghị công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi.

5. Mẫu số 05: Quyết định về việc mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi.

6. Mẫu số 06: Đơn đề nghị công bố bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước.

7. Mẫu số 07: Quyết định về việc mở bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước.

8. Mẫu số 08: Thông báo đưa công trình vào sử dụng.

9. Mẫu số 09: Quyết định về việc đóng cảng biển.

10. Mẫu số 10: Đơn đề nghị đóng cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước.

11. Mẫu số 11: Quyết định về việc đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước.

12. Mẫu số 12: Đơn đề nghị thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời.

13. Mẫu số 13: Bản khai thông tin về vận đơn thứ cấp.

14. Mẫu số 14: Giấy khai báo y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người.

15. Mẫu số 15: Đơn đề nghị chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải.

16. Mẫu số 16: Đơn đề nghị đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng.

17. Mẫu số 17: Báo cáo định kỳ tình trạng hoạt động của báo hiệu hàng hải.

18. Mẫu số 18: Thông báo hàng hải về thiết lập mới báo hiệu hàng hải.

19. Mẫu số 19: Thông báo hàng hải về thay đổi đặc tính hoạt động của báo hiệu hàng hải.

20. Mẫu số 20: Thông báo hàng hải về tạm ngừng hoạt động của báo hiệu hàng hải.

21. Mẫu số 21: Thông báo hàng hải về phục hồi hoạt động của báo hiệu hàng hải.

22. Mẫu số 22: Thông báo hàng hải về chấm dứt hoạt động của báo hiệu hàng hải.

23. Mẫu số 23: Thông báo hàng hải về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải.

24. Mẫu số 24: Thông báo hàng hải về thông số kỹ thuật của khu nước, vùng nước.

25. Mẫu số 25: Thông báo hàng hải về chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện.

26. Mẫu số 26: Thông báo hàng hải về khu vực thi công công trình trên biển hoặc trên luồng hàng hải.

27. Mẫu số 27: Thông báo hàng hải về công trình ngầm hoặc công trình vượt qua luồng hàng hải.

28. Mẫu số 28: Thông báo hàng hải về phân luồng giao thông hàng hải hoặc hạn chế lưu thông, tạm ngừng hoạt động của luồng hàng hải.

29. Mẫu số 29: Thông báo hàng hải về khu vực biển hạn chế hoặc cấm hoạt động hàng hải.

30. Mẫu số 30: Thông báo hàng hải về công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam.

31. Mẫu số 31: Đơn đề nghị công bố thông báo hàng hải.

32. Mẫu số 32: Các mẫu bản điện truyền phát thông báo hàng hải.

33. Mẫu số 33: Giấy khai báo y tế, thi thể, hài cốt, tro cốt.

34. Mẫu số 34: Bản khai người trốn trên tàu.

35. Mẫu số 35: Đơn đề nghị cho phép tiến hành hoạt động trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải.

36. Mẫu số 36: Bản khai vũ khí và vật liệu nổ.

37. Mẫu số 37: Quyết định tạm giữ tàu biển.

38. Mẫu số 38: Quyết định chấm dứt việc tạm giữ tàu biển.

39. Mẫu số 39: Đơn đề nghị cho phép tàu biển nước ngoài có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân, tàu vận chuyển chất phóng xạ đến cảng biển.

40. Mẫu số 40: Đơn đề nghị cho tàu thuyền nước ngoài đến cảng thực hiện các hoạt động đặc thù.

41. Mẫu số 41: Bản khai an ninh tàu biển.

42.[36] Mẫu số 42: Bản khai chung.

43.[37] Mẫu số 43: Bản khai hàng hóa.

44.[38] Mẫu số 44: Xác báo tàu đến cảng (quá cảnh).

45. Mẫu số 45: Lệnh điều động.

46. Mẫu số 46: Kế hoạch điều động tàu thuyền vào cảng.

---

[36] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 7 Điều 1 và mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 11 năm 2023.

[37] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 7 Điều 1 và mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 11 năm 2023.

[38] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 7 Điều 1 và mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 11 năm 2023.

47.[39] Mẫu số 47: Danh sách thuyền viên.

48.[40] Mẫu số 48: Danh sách hành khách.

49. Mẫu số 49: Bản khai hàng hóa nguy hiểm.

50. Mẫu số 50: Bản khai dự trữ của tàu.

51. Mẫu số 51: Bản khai hành lý của hành khách, thuyền viên.

52. Mẫu số 52: Giấy khai báo y tế hàng hải.

53. Mẫu số 53: Bản khai kiểm dịch thực vật.

54. Mẫu số 54: Bản khai kiểm dịch động vật.

55. Mẫu số 55: Giấy phép chạy thử tàu.

56. Mẫu số 56: Giấy phép quá cảnh.

57.[41] Mẫu số 57: Thông báo tàu rời cảng.

58.[42] Mẫu số 58: Giấy phép rời cảng.

59. Mẫu số 59: Bản khai chung (cho phương tiện thủy nội địa).

60. Mẫu số 60: Danh sách thuyền viên (cho phương tiện thủy nội địa).

61. Mẫu số 61: Danh sách hành khách (cho phương tiện thủy nội địa).

62. Mẫu số 62: Giấy phép vào/rời cảng biển (cho phương tiện thủy nội địa).

---

[39] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 7 Điều 1 và mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 11 năm 2023.

[40] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 7 Điều 1 và mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 11 năm 2023.

[41] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 7 Điều 1 và mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 11 năm 2023.

[42] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 7 Điều 1 và mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 11 năm 2023.

Mẫu số 01

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ Số:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.

Tên doanh nghiệp:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Đăng ký kinh doanh:..... ngày..... tháng..... năm..... tại

Địa chỉ:.....

Số điện thoại liên hệ:.....

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải theo quy định tại Điều 6 Nghị định số..... quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải với các thông tin dưới đây:

1. Tên dự án:.....
2. Sự cần thiết đầu tư xây dựng:.....
3. Vị trí:.....
4. Loại tàu biển giới hạn vào cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải:

.....

.....

5. Thông số kỹ thuật của cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải:

.....

.....

6. Tổng diện tích dự kiến xây dựng:.....
7. Tài liệu liên quan kèm theo (nếu có):.....

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, trả lời./.

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ Số:.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải

Kính gửi: Cảng vụ hàng hải.....[1]

Tên doanh nghiệp:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Đăng ký kinh doanh:..... ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại liên hệ:.....

Đề nghị Cảng vụ hàng hải..... xem xét, phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải trong quá trình xây dựng các công trình khác trong vùng nước cảng biển theo quy định tại Điều... Nghị định số..... quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải với các thông tin dưới đây:

1. Tên công trình:.....
2. Vị trí xây dựng công trình:.....
3. Thời gian xây dựng công trình:.....
4. Bản sao văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).
5. Văn bản kèm theo:.....

- Bản sao Quyết định đầu tư xây dựng công trình;
- Bản sao bình đồ bố trí mặt bằng tổng thể của công trình;
- Bản chính Phương án bảo đảm an toàn hàng hải.

Kính đề nghị Cảng vụ hàng hải..... xem xét, giải quyết./.

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

[1] Tên của Cảng vụ hàng hải nơi công trình cần phải phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải

Mẫu số 03

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày... tháng... năm....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Đổi tên cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước

Kính gửi:..... (1)

Tên doanh nghiệp:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Đăng ký kinh doanh:..... ngày..... tháng..... năm.....

tại.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại liên hệ:.....

Đề nghị.....(1)..... chấp thuận việc đổi tên cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, bến cảng, cầu cảng, bến phao và khu nước, vùng nước theo quy định tại Điều... Nghị định số: ngày... tháng... năm.... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải với các thông tin dưới đây:

1. Tên công trình:.....

2. Vị trí công trình:.....

3. Tên cũ (áp dụng đối với trường hợp đổi tên).....

4. Tên mới (áp dụng đối với trường hợp đổi tên).....

5. Bản sao văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có)

Kính đề nghị.....(1)..... xem xét, chấp thuận./.

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

1. Tên của cấp có thẩm quyền đổi tên.

Mẫu số 04

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày... tháng... năm 20...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi
(Công bố đưa luồng hàng hải vào sử dụng)

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.

Tên doanh nghiệp:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Đăng ký kinh doanh:..... ngày..... tháng..... năm.....

tại.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại liên hệ:.....

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, tiến hành thủ tục công bố mở cảng biển theo quy định tại Điều... Nghị định số..... quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải với các thông tin dưới đây:

1. Tên cảng biển:.....
2. Vị trí cảng biển:.....
3. Vùng đón trả hoa tiêu:.....
4. Loại tàu biển:.....
5. Giới hạn trọng tải của tàu biển được phép vào hoạt động:.....
6. Văn bản kèm theo:.....

Tài liệu liên quan khác.

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, giải quyết./.

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 05

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày... tháng... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ.....

Căn cứ.....

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố mở cảng biển..... thuộc địa phận..... để tiếp nhận tàu thuyền trong nước và ngoài nước ra vào hoạt động bốc dỡ hàng hóa và thực hiện các dịch vụ hàng hải khác có liên quan, cụ thể như sau:

1. Tên cảng:.....

2. Vị trí cảng:.....

3. Vùng đón trả hoa tiêu:.....

4. Vùng kiểm dịch:.....

5. Loại tàu thuyền:.....

6. Luồng hàng hải:.....

Điều 2.

Cảng vụ hàng hải..... có trách nhiệm sau đây:

1. Quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải tại khu vực Cảng biển.....
..... và được thu các khoản phí theo quy định của pháp luật;

2. Căn cứ điều kiện thực tế, giới hạn độ sâu vùng nước trước cầu cảng, luồng cảng biển và các quy định của pháp luật có liên quan để cho phép tàu thuyền có các thông số kỹ thuật phù hợp với thiết kế cầu cảng ra vào bốc dỡ hàng hóa và thực hiện các dịch vụ hàng hải khác bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

Điều 3. Chủ đầu tư căn cứ quy định của Quyết định này, các quy định của pháp luật có liên quan và điều kiện khai thác cầu cảng để tổ chức khai thác cầu cảng thuộc Cảng biển..... đúng mục đích, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và được thu các khoản phí theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan căn cứ quy định của Quyết định này, các quy định của pháp luật có liên quan để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ trong khu vực Cảng biển.....

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực....., kể từ ngày.....

Điều 6. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải....., Giám đốc Cảng vụ hàng hải....., Giám đốc Cảng....., Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Tư lệnh bộ đội Biên phòng;
- Tổng cục Hải quan;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Website Chính phủ;
- Lưu: Văn thư,..... (3b).

Mẫu số 06

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày... tháng... năm 20...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Công bố bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước hoặc vùng nước

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.

Tên doanh nghiệp:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Đăng ký kinh doanh:..... ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại liên hệ:.....

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, tiến hành thủ tục công bố bến càng, cầu cảng, bến phao, khu nước hoặc vùng nước (công trình) vào sử dụng theo quy định tại Điều... Nghị định số..... quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải với các thông tin dưới đây:

1. Tên công trình:.....
2. Vị trí công trình:.....
3. Vùng đón trả hoa tiêu:.....
4. Loại tàu biển:.....
5. Giới hạn trọng tải của tàu biển được phép vào hoạt động:.....
6. Văn bản kèm theo:.....

Tài liệu liên quan khác.

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, chấp thuận./.

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 07

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày... tháng... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc mở bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ.....
Căn cứ.....
Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Công bố mở..... thuộc..... để tiếp nhận tàu thuyền trong nước và ngoài nước ra vào hoạt động bốc dỡ hàng hóa và thực hiện các dịch vụ hàng hải khác có liên quan, cụ thể như sau:

1. Tên công trình:.....
2. Vị trí công trình:.....
3. Khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải.....
4. Loại tàu thuyền:.....

Điều 2.

Cảng vụ hàng hải..... có trách nhiệm sau đây:

1. Quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải tại..... và được thu các khoản phí theo quy định của pháp luật;

2. Căn cứ điều kiện thực tế, giới hạn độ sâu vùng nước trước cầu cảng, luồng cảng biển và các quy định của pháp luật có liên quan để cho phép tàu thuyền có các thông số kỹ thuật phù hợp với thiết kế cầu cảng ra vào bốc dỡ hàng hóa và thực hiện các dịch vụ hàng hải khác bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

Điều 3.

Chủ đầu tư căn cứ quy định của Quyết định này, các quy định của pháp luật có liên quan và điều kiện khai thác cầu cảng để tổ chức khai thác cầu

cảng..... đúng mục đích, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và được thu các khoản phí theo quy định của pháp luật.

Điều 4.

Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan căn cứ quy định của Quyết định này, các quy định của pháp luật có liên quan để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ tại.....

Điều 5.

Quyết định này có hiệu lực....., kể từ ngày.....

Điều 6.

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng các Phòng liên quan của Cục Hàng hải Việt Nam, Giám đốc Cảng vụ hàng hải....., Giám đốc Cảng....., Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Bộ Giao thông vận tải;
- ....;
- Bộ đội Biên phòng tỉnh...;
- Cục Hải quan....;
- Kiểm dịch Y tế....;
- Kiểm dịch ĐTV...;
- Các Phòng:.....
- Lưu: Văn thư,..... (3b)

Mẫu số 08

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày... tháng... năm 20...*

THÔNG BÁO
Về việc đưa công trình vào sử dụng

Kính gửi: - Cảng vụ hàng hải.....
- Đơn vị bảo đảm an toàn hàng hải.....

Tên doanh nghiệp:.....
Người đại diện theo pháp luật:.....
Đăng ký kinh doanh:..... ngày..... tháng..... năm..... tại.....
Địa chỉ:.....
Số điện thoại liên hệ:.....

Công ty xin trân trọng thông báo đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại Điều... Nghị định số..... quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải với các thông tin dưới đây:

1. Tên công trình:.....
2. Vị trí công trình:.....
3. Đặc điểm công trình:.....
4. Thời gian bắt đầu hoạt động của công trình, thời gian kết thúc (nếu có):.....
.....
5. Giới hạn vùng nước của công trình:.....
6. Các thông số kỹ thuật có liên quan (nếu có):

- Chiều rộng khoang thông thuyền:.....
- Chiều cao tĩnh không:.....
- Các dấu hiệu cảnh báo:.....
- Thời gian thông thuyền:.....
- Độ sâu công trình so với mực nước "0" hải đồ:.....
- Các yêu cầu cần hạn chế khác (nếu có):.....

Kính đề nghị cơ quan có thẩm quyền biết và quản lý hoạt động hàng hải tại khu vực công trình hoạt động./.

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 09

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày... tháng... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đóng cảng biển

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ.....
Căn cứ.....
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay đóng..... thuộc địa phận.....

Điều 2. Tuyến luồng hàng hải..... giao..... tổ chức tiếp nhận quản lý, bảo trì theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các cơ quan..... có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan bàn giao..... công tác quản lý khai thác tuyến luồng.....; phối hợp giải quyết kịp thời các vấn đề có liên quan nhằm bảo đảm công tác quản lý được thực hiện liên tục, không ảnh hưởng đến giao thông trên tuyến luồng.

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải....., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TC, QP, YT, CA, NN&PTNT;
- UBND tỉnh.....;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT (để biết);
- Kho bạc NN Trung ương;
- Công ty.....;
- Website Bộ GTVT;
- Lưu: Văn thư, KCHT.

Mẫu số 10

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày... tháng... năm 20...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Đóng cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước hoặc vùng nước

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.

Tên doanh nghiệp:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Đăng ký kinh doanh:..... ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại liên hệ:.....

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, tiến hành thủ tục đóng..... theo quy định tại Điều... Nghị định số..... quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải với các thông tin dưới đây:

1. Tên công trình:.....
2. Vị trí công trình:.....
3. Lý do đóng:.....
4. Đề xuất chuyển giao quản lý luồng tàu, nhân sự, đất đai (nếu có):.....
5. Bản sao ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có):.....

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, giải quyết./.

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 11

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày... tháng... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đóng bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ.....

Căn cứ.....

Theo đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay đóng (bến cảng)..... thuộc địa phận.....

Điều 2. Tuyến luồng hàng hải..... giao..... tổ chức tiếp nhận quản lý, bảo trì theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các cơ quan..... có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan bàn giao..... công tác quản lý khai thác tuyến luồng.....; phối hợp giải quyết kịp thời các vấn đề có liên quan nhằm bảo đảm công tác quản lý được thực hiện liên tục, không ảnh hưởng đến giao thông trên tuyến luồng.

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Cục, Chánh Thanh tra Cục, Trưởng các phòng....., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 4; - Bộ GTVT; - UBND tỉnh.....; - Công ty.....; - Website Cục HHVN; - Lưu: Văn thư,.....	**CỤC TRƯỞNG**

Mẫu số 12

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày... tháng... năm 20...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.

Tên doanh nghiệp:.....
Người đại diện theo pháp luật:.....
Đăng ký kinh doanh:..... ngày..... tháng..... năm..... tại.....
Địa chỉ:.....
Số điện thoại liên hệ:.....

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, chấp thuận thiết lập kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời theo quy định tại Điều... Nghị định số..... quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải với các thông tin dưới đây:

1. Tên công trình:.....
.....
2. Vị trí công trình:.....
.....
3. Quy mô công trình:.....
.....
.....
4. Lý do, sự cần thiết:.....
5. Thời gian dự kiến hoạt động của công trình:.....
6. Bản sao ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có):.....
7. Bản sao các văn bản có liên quan (nếu có).

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, chấp thuận./.

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 13

BẢN KHAI THÔNG TIN VỀ VẬN ĐƠN THỨ CẤP
HOUSE BILL OF LADING DECLARATION

1. Tên tàu (Name of ship)	2. Cảng xếp hàng (Port of load)	3. Cảng dỡ hàng (Port of unload)	4. Số vận đơn (Bill of lading number)	
5. Người gửi hàng (Consigner)	6. Cảng chuyển tải/quá cảnh (Port of tranship/transit)	7. Cảng giao hàng/cảng đích (Port of destination)	8. Ngày vận đơn (Date of bill of lading) (dd/mm/yyy) ..../.../.....	9. Ngày khởi hành Departure date (dd/mm/yyyy) ..../..../....
10. Người nhận hàng (Consignee)				

STT	Mã hàng (HS code if avail.) (11)	Mô tả hàng hóa (Description of goods) (12)	Tổng trọng lượng (Gross weight) (13)	Kích thước/thể tích (Dimension/tonnage) (14)	Số hiệu cont (Cont. number) (15)	Số seal (Cont. seal number) (16)
1						
2						
3						

Mẫu số 14

GIẤY KHAI BÁO Y TẾ
MẪU VI SINH Y HỌC, SẢN PHẨM SINH HỌC, MÔ,
BỘ PHẬN CƠ THỂ NGƯỜI
Health quarantine declaration of microorganism sample,
biological products, tissues, human body organs

Họ tên người khai/*Name of the declarant:*.....

Địa chỉ/*Address*..... Quốc tịch/*Nationality*.....

Tên và số lượng/*Description and quantity*.....

Có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền xác nhận xuất xứ vật phẩm không? *Is there an official letter of the authority confirming the origin of this products?*

Có/*Yes* □ Không/*No* □

Có văn bản đồng ý của Bộ Y tế không?/*Is there a Ministry of Health's letter of no objection?*

Có/*Yes* □ Không/*No* □

Địa chỉ xuất phát/*Departure address*.....

Được vận chuyển qua cửa khẩu/*Transported through check point*.....

Địa chỉ nơi đến/*Arrival address*.....

Mục đích nhập, xuất khẩu/*Purpose of import, export*.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời khai này/*I certify that the declaration given on this form is correct and complete to the best of my knowledge and belief.*

Ngày... tháng... năm.....
Date (dd/mm/yy)
Người khai *(ký, ghi họ và tên)*
Signature and fullname of the declarant

Mẫu số 15

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /.....	*....., ngày... tháng... năm.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Về việc.....

Kính gửi:.....

Căn cứ Nghị định số...../20..../NĐ-CP ngày..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

..... (tên đơn vị) đề nghị.....

về việc.....

Hồ sơ kèm theo bao gồm

1).....

2).....

Nơi nhận:

.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Mẫu số 16

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày... tháng... năm 20...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
ĐƯA BÁO HIỆU HÀNG HẢI VÀO SỬ DỤNG

Kính gửi:.....[1]

Căn cứ Điều... Nghị định số..... ngày... tháng... năm.... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Điều... Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải;

..... (tên đơn vị) đề nghị..... công bố thông báo hàng hải về việc đưa.....

Hồ sơ kèm theo bao gồm:

1.....

2.....

.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên,
chức vụ, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: Văn thư,.....

.....

[1] Cơ quan có thẩm quyền công bố Thông báo hàng hải.

Mẫu số 17

..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /..... *....., ngày.... tháng.... năm.....*

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA BÁO HIỆU HÀNG HẢI
DO..... QUẢN LÝ

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

Thực hiện Nghị định số...../20..../NĐ-CP ngày..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

..... (tên đơn vị) báo cáo định kỳ tình hình hoạt động của báo hiệu hàng hải do đơn vị quản lý như sau:

I. Kỳ báo cáo: Từ ngày..... đến ngày.....

II. Tình trạng hoạt động của báo hiệu:

1. Báo hiệu thị giác;

a) Đèn biển, đăng tiêu độc lập và chập tiêu:

STT	Tên báo hiệu	Đặc tính ánh sáng	Tình trạng hoạt động	Ghi chú (nêu những thay đổi so với lần báo cáo trước)
1				
2				
3				
...				

b) Báo hiệu luồng hàng hải:

STT	Tên báo hiệu	Tác dụng	Tình trạng hoạt động	Ghi chú (nêu những thay đổi so với lần báo cáo trước)
1				
2				
3				
....				

2. Báo hiệu vô tuyến điện:

STT	Tên báo hiệu	Mã tín hiệu nhận dạng	Tình trạng hoạt động	Ghi chú (nêu những thay đổi so với lần báo cáo trước)
1				
2				
3				
...				

3. Báo hiệu âm thanh:

STT	Tên báo hiệu	Mã tín hiệu phát âm	Tình trạng hoạt động	Ghi chú (nêu những thay đổi so với lần báo cáo trước)
1				
2				
3				
...				

.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

.....

Nơi nhận:
-

Mẫu số 18

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TBHH-..... *....., ngày... tháng... năm.....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về việc thiết lập mới.....

Vùng biển:.....
Tên luồng:..... (nếu có)
Tên báo hiệu:.....
Căn cứ.....
Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,..... thông báo thiết lập mới..... với các đặc tính như sau:
- Vị trí:.....
- Tọa độ địa lý:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

- Tác dụng:.....

1. Báo hiệu thị giác

a) Đặc tính nhận biết ban ngày
- Hình dạng:.....
- Màu sắc:.....
- Dấu hiệu đỉnh:..... (nếu có)
- Số hiệu (Chữ hiệu):..... (nếu có)
- Chiều cao toàn bộ:..... m, tính đến.....
- Chiều cao công trình:... m, tính đến mặt đất (dành riêng cho báo hiệu cố định)
- Chiều rộng trung bình:... m (dành riêng cho báo hiệu cố định)
- Tầm nhìn địa lý:..... hải lý với chiều cao của mắt người quan sát bằng..... m

b) Đặc tính ánh sáng ban đêm
- Đặc tính ánh sáng:.....
- Phạm vi chiếu sáng:.....
- Chiều cao tâm sáng:..... m, tính đến.....
- Tầm hiệu lực ánh sáng:... hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển T = 0,74

2. Báo hiệu vô tuyến điện:

a) Racon:

- Dải tần hoạt động:.....
- Mã tín hiệu nhận dạng:.....
- Chu kỳ hoạt động:.....
- Tầm hiệu lực:..... hải lý với radar có công suất phát..... kW, chiều cao ăng ten radar... m.

b) Báo hiệu hàng hải AIS:

- Loại báo hiệu hàng hải AIS:.....
- Dải tần hoạt động:.....
- Số nhận dạng (MMSI):.....
- Tần suất phát thông tin:.....
- Tầm hiệu lực:.....
- Thông tin truyền phát về báo hiệu hàng hải:.....

3. Báo hiệu âm thanh

- Cường độ phát âm:.....
- Tần số phát âm:.....
- Mã tín hiệu phát âm:.....
- Chu kỳ phát âm:.....
- Tầm hiệu lực âm phát:..... hải lý với tốc độ gió cấp 1.

Ghi chú:

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....

Nơi nhận:
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải.....;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- .....

.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Mẫu số 19

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TBHH-.....	*....., ngày... tháng.... năm.....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về việc thay đổi.....

Vùng biển:.....

Tên luồng:..... (nếu có)

Tên báo hiệu:.....

Tọa độ địa lý:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

Căn cứ.....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,..... thông báo thay đổi:..... như sau:

- Vị trí:.....

- Tọa độ địa lý:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

- Tác dụng:.....

1. Báo hiệu thị giác

a) Đặc tính nhận biết ban ngày

- Hình dạng:.....

- Màu sắc:.....

- Dấu hiệu đỉnh:..... (nếu có)

- Số hiệu (Chữ hiệu):..... (nếu có)

- Chiều cao toàn bộ:..... m, tính đến.....

- Chiều cao công trình:... m, tính đến mặt đất (dành riêng cho báo hiệu cố định)

- Chiều rộng trung bình:..... m (dành riêng cho báo hiệu cố định)

- Tầm nhìn địa lý:.... hải lý với chiều cao của mắt người quan sát bằng..... m

b) Đặc tính ánh sáng ban đêm

- Đặc tính ánh sáng:.....

- Phạm vi chiếu sáng:.....

- Chiều cao tâm sáng:..... m, tính đến.....

- Tầm hiệu lực ánh sáng:..... hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển T = 0,74

2. Báo hiệu vô tuyến điện:

a) Racon:

- Dải tần hoạt động:.....

- Mã tín hiệu nhận dạng:.....

- Chu kỳ hoạt động:.....

- Tầm hiệu lực:..... hải lý với radar có công suất phát..... kW, chiều cao ăng ten radar... m.

b) Báo hiệu hàng hải AIS:

- Loại báo hiệu hàng hải AIS:.....

- Dải tần hoạt động:.....

- Số nhận dạng (MMSI):.....

- Tần suất phát thông tin:.....

- Tầm hiệu lực:.....

- Thông tin truyền phát về báo hiệu hàng hải:.....

3. Báo hiệu âm thanh

- Cường độ phát âm:.....

- Tần số phát âm:.....

- Mã tín hiệu phát âm:.....

- Chu kỳ phát âm:.....

- Tầm hiệu lực âm phát:..... hải lý với tốc độ gió cấp 1.

Ghi chú: Các đặc tính khác của báo hiệu không thay đổi (tham khảo Thông báo hàng hải số..... ngày.....)

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....

.....

.....

.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải.....;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải.....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- .....

Mẫu số 20

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TBHH-..... *....., ngày... tháng... năm.....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về việc tạm ngừng hoạt động.....

Vùng biển:.....

Tên luồng:..... (nếu có)

Tên báo hiệu:.....

Tọa độ địa lý:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

Căn cứ.....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,..... thông báo..... đã tạm ngừng hoạt động từ ngày.....

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải....;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- .....

Mẫu số 21

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI ..... Số: /TBHH-.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày.... tháng.... năm.....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về việc phục hồi hoạt động.....

Vùng biển:.....

Tên luồng:..... (nếu có)

Tên báo hiệu:.....

Tọa độ địa lý:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

Căn cứ.....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,..... thông báo:..... đã được phục hồi hoạt động theo đúng các đặc tính đã thông báo hàng hải.

Thông báo hàng hải số..... ngày..... không còn hiệu lực.

.....

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải.....;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- .....

Mẫu số 22

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TBHH-.....	*....., ngày.... tháng.... năm.....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về việc chấm dứt hoạt động.....

Vùng biển:.....

Tên luồng:..... (nếu có)

Tên báo hiệu:.....

Tọa độ địa lý:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

Căn cứ.....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,..... thông báo chấm dứt hoạt động từ ngày.....

.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải.....;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- .....

Mẫu số 23

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TBHH-.....	*....., ngày.... tháng.... năm.....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải.....

Vùng biển:.....

Tên luồng:..... (nếu có)

Căn cứ:.....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,..... thông báo về thông số kỹ thuật của..... như sau:

Trong phạm vi đáy luồng hàng hải rộng... m, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số.... kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt.... m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....

.....

	..... (Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
Nơi nhận: - Cục Hàng hải Việt Nam; - Cảng vụ hàng hải.....; - Tổ chức hoa tiêu hàng hải....; - Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam; -	.....

Ghi chú:

1. Có thể thông báo độ sâu của từng đoạn luồng trên một tuyến luồng

2. Nếu trên một đoạn luồng có các điểm độ sâu cục bộ nhỏ hơn độ sâu chung trên toàn tuyến, không ảnh hưởng đến an toàn hàng hải thì có thể công bố độ sâu lớn hơn và chỉ rõ các khu vực có những *điểm độ sâu nhỏ hơn độ sâu được công bố*.

Mẫu số 24

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TBHH-.....	*....., ngày.... tháng.... năm.....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật của khu nước, vùng nước.....

Vùng biển:.....

Tên luồng:..... (nếu có)

Căn cứ:.....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,..... thông báo về thông số kỹ thuật của..... như sau: trong phạm vi..... được giới hạn bởi các điểm

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số.... kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" đạt.... m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....

Nơi nhận: - Cục Hàng hải Việt Nam; - Cảng vụ hàng hải.....; - Tổ chức hoa tiêu hàng hải....; - Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam; -	..... (Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu) .....

Ghi chú: Nếu trong phạm vi thông báo có các điểm độ sâu cục bộ nhỏ hơn độ sâu chung, không ảnh hưởng đến an toàn hàng hải thì có thể công bố độ sâu lớn hơn và chỉ rõ các khu vực có những điểm độ sâu nhỏ hơn độ sâu được công bố.

Mẫu số 25

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI ..... Số: /TBHH-.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày.... tháng.... năm.....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện.....

Vùng biển:.....

Tên luồng:..... (nếu có)

Căn cứ:.....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,..... thông báo tồn tại chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện..... tại vị trí có tọa độ địa lý:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

- Vị trí chướng ngại vật nằm cách..... về phía.....

- Cao độ của chướng ngại vật..... m tính đến mực nước "số 0 hải đồ" (nếu có).

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....

.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải.....;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- .....

.....

Mẫu số 26

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TBHH-.....	*....., ngày.... tháng.... năm.....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về khu vực thi công công trình.....

Vùng biển:.....

Tên luồng:..... (nếu có)

Căn cứ:.....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,..... thông báo thiết lập khu vực thi công công trình..... được giới hạn bởi các điểm

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

Thời gian thi công: Từ.... giờ.... ngày..... đến.... giờ.... ngày.....

Đặc điểm của các phương tiện thi công:.....

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....

.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

.....

Nơi nhận:
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải....;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải...
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- .....

Ghi chú: Đối với các công trình thi công trên diện rộng có thể tiến hành mô tả khu vực thi công thay cho việc công bố tọa độ giới hạn.

Mẫu số 27

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TBHH-.....	*....., ngày.... tháng.... năm.....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về công trình ngầm hoặc công trình vượt qua luồng hàng hải

Vùng biển:.....

Tên công trình:..... (nếu có)

Căn cứ:.....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,..... thông báo về công trình ngầm, công trình vượt qua luồng hàng hải..... với các đặc tính như sau:

- Vị trí:.....

- Tọa độ địa lý:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

- Chiều cao hoặc chiều sâu toàn bộ:..... m, tính đến.....

- Chiều rộng trung bình:... m.....

- Đặc tính điểm nhận dạng vào ban ngày hoặc ban đêm (nếu có).....

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....

Nơi nhận:
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải.....;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- .....

.....

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

.....

Mẫu số 28

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TBHH-.....	*....., ngày.... tháng.... năm.....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về phân luồng giao thông hàng hải hoặc hạn chế lưu thông, tạm ngừng hoạt động của luồng hàng hải

Vùng biển:.....

Tên luồng:..... (nếu có)

Căn cứ:.....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,..... thông báo.....

Thời gian: Từ..... giờ..... ngày..... đến..... giờ..... ngày.....

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

.....

.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

.....

Nơi nhận:
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải.....;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- .....

Mẫu số 29

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TBHH-..... *....., ngày.... tháng.... năm.....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về khu vực biển hạn chế hoặc cấm hoạt động hàng hải....

Vùng biển:.....

Tên luồng:..... (nếu có)

Căn cứ:.....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,..... thông báo thiết lập khu vực..... được giới hạn bởi các điểm:

Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

Thời gian: Từ.... giờ.... ngày..... đến..... giờ..... ngày.....

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....
.....

.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải.....;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- .....

.....

Ghi chú: Đối với các khu vực biển hạn chế hoặc cấm hoạt động hàng hải trên diện rộng có thể tiến hành mô tả khu vực thay cho việc công bố tọa độ giới hạn

Mẫu số 30

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TBHH-.....	*....., ngày.... tháng.... năm.....*

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về việc công bố tuyến hàng hải
và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam

Vùng biển:.....

Tên luồng:..... (nếu có)

Căn cứ:.....

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,..... thông báo về việc công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam cụ thể như sau:

Các thông tin cơ bản về tuyến hàng hải và phân luồng giao thông: (điểm bắt đầu, điểm kết thúc, các yêu cầu khi hành trình trong tuyến hàng hải...)

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....

.....

.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Cảng vụ hàng hải.....;
- Tổ chức hoa tiêu hàng hải....;
- Công ty TNHH MTV Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam;
- .....

.....

Ghi chú: có thể tiến hành mô tả hoặc công bố kèm theo hải đồ, sơ đồ về tuyến hàng hải, phân luồng giao thông.

Mẫu số 31

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /.....	*....., ngày.... tháng.... năm.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về việc:.....

Kính gửi:.....

Căn cứ Nghị định số...../20..../NĐ-CP ngày..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

..... (tên đơn vị) đề nghị..... công bố thông báo hàng hải về việc.....

Hồ sơ kèm theo bao gồm

1.....

2.....

.....
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Nơi nhận:
-
-

Mẫu số 32

CÁC MẪU BẢN ĐIỆN TRUYỀN PHÁT THÔNG BÁO HÀNG HẢI

1. Các mẫu bản điện truyền phát thông báo hàng hải về việc thiết lập mới, phục hồi báo hiệu hàng hải

Thành phần bức điện	Ví dụ 1
1. Số hiệu thông báo	KHU VỰC XI 145/11 VỊNH HẠ LONG CẢNG CÁI LÂN HẢI ĐỒ _____ (QUỐC TẾ_____). THIẾT LẬP MỚI CÁC PHAO DẪN LUỒNG VÀO CẢNG A. BÁO HIỆU AN TOÀN PHÍA ĐÔNG 20-03.2N 107- 39.5E. B. BÁO HIỆU AN TOÀN PHÍA NĂM 20-03.7N 107- 39.4E.
2. Khu vực bao quát chung	
3. Khu vực địa phương	
4. Số hiệu hải đồ chịu ảnh hưởng	
5. Nội dung chính của thông báo	
6. Vị trí địa lý	
7. Các chú ý	
8. Hủy bỏ nội dung thông báo	

Message Element	Example 1
1. Message series identifier	NAVAREA XI 145/11 HALONG BAY. PORT OF CAI LAN CHART_____ (INT_____). LIGHTBUOYS ESTABLISHED MARKING THE ENTRANCE. A. EAST CARDINAL 20-03.2N 107-39.5E. B. SOUTH CARDINAL 20-03.7N 107-39.4E.
2. General area	
3. Locality	
4. Chart number	
5. Key subject	
6. Geographical position	
7. Amplifying remarks	
8. Cancellations details	

Thành phần bức điện	Ví dụ 2
1. Số hiệu thông báo	KHU VỰC XVI 95/11 PERU PAITA HẢI ĐỘ_____ (QUỐC TẾ_____). XÁC TÀU ĐẮM TẠI VỊ TRÍ 05-04.8N 081-06.7W. THIẾT LẬP PHAO ĐÁNH DẤU VỊ TRÍ TÀU ĐẮM KHẨN CẤP CÁCH 0,25 HẢI LÝ VỀ PHÍA NAM, ĐÈN SÁNG THAY ĐỔI XANH - VÀNG TRONG 3 GIÂY.
2. Khu vực bao quát chung	
3. Khu vực địa phương	
4. Số hiệu hải đồ chịu ảnh hưởng	
5. Nội dung chính của thông báo	
6. Vị trí địa lý	
7. Các chú ý	
8. Hủy bỏ nội dung thông báo	

Message Element	Example 2
1. Message series identifier	NAVAREA XVI 95/11 PERU. PAITA. CHART_____ (INT_____). WRECK LOCATED 05-04.8N 081-06.7W. EMERGENCY WRECK MARKING BUOY ESTABUSHED 0.25 MILES SOUTH, ALTERNATING OCCULTING BLUE AND YELLOW THREE SECONDS.
2. General area	
3. Locality	
4. Chart number	
5. Key subject	
6. Geographical position	
7. Amplifying remarks	
8. Cancellations details	

2. Các mẫu bản điện truyền phát thông báo hàng hải về việc tạm ngừng, chấm dứt hoạt động của báo hiệu hàng hải.

Thành phần bức điện	Ví dụ 1
1. Số hiệu thông báo	KHU VỰC XI 145/11 VỊNH HẠ LONG CẢNG HẢI PHÒNG HẢI ĐỒ_____ (QUỐC TẾ_____). ĐÈN BIỂN HÒN DÁU 20-02.0N 107-40.1E ĐÈN KHÔNG SÁNG
2. Khu vực bao quát chung	
3. Khu vực địa phương	
4. Số hiệu hải đồ chịu ảnh hưởng	
5. Nội dung chính của thông báo	
6. Vị trí địa lý	
7. Các chú ý	
8. Hủy bỏ nội dung thông báo	

Message Element	Example 1
1. Message series identifier	NAVAREA XI 145/11 HALONG BAY. PORT OF HAI PHONG CHART ____ (INT_____). HONDAU LIGHT HOUSE 20-02.0N 107-40.1E UNLIT.
2. General area	
3. Locality	
4. Chart number	
5. Key subject	
6. Geographical position	
7. Amplifying remarks	
8. Cancellations details	

Thành phần bức điện	Ví dụ 2
1. Số hiệu thông báo	KHU VỰC IX 12/11 BIỂN ĐỎ, AI CẬP
2. Khu vực bao quát chung	

Thành phần bức điện	Ví dụ 2
3. Khu vực địa phương	VỊNH AQABA, EO TIRAN HẢI ĐỒ____ (QUỐC TẾ_____). BÁO HIỆU AN TOÀN PHÍA TÂY 27-59.4N 034-29.1E RACON KHÔNG HOẠT ĐỘNG
4. Số hiệu hải đồ chịu ảnh hưởng	
5. Nội dung chính của thông báo	
6. Vị trí địa lý	
7. Các chú ý	
8. Hủy bỏ nội dung thông báo	

Message Element	Example 2
1. Message series identifier	NAVARKA IX 12/11 RED SEA, EGYPT. GULF OF AQABA, STRAIT OF TIRAN. CHART___ (INT_____). WEST CARDINAL BUOY 27-59.4N 034-29.1E RACON INOPERATIVE.
2. General area	
3. Locality	
4. Chart number	
5. Key subject	
6. Geographical position	
7. Amplifying remarks	
8. Cancellations details	

3. Các mẫu bản điện truyền phát thông báo hàng hải về độ sâu luồng hàng hải, thủy điện cảng, khu neo đậu, quay trở tàu và các vùng nước khác

Thành phần bức điện	Ví dụ 1
1. Số hiệu thông báo	KHU VỰC XI 15/11 BIỂN ĐÔNG VỊNH BẮC BỘ
2. Khu vực bao quát chung	
3. Khu vực địa phương	

Thành phần bức điện	Ví dụ 1
4. Số hiệu hải đồ chịu ảnh hưởng	THÀNH LẬP CẢNG MỚI - CẢNG LẠCH HUYỆN. CẢNG MỚI LẠCH HUYỆN ĐƯỢC THÀNH LẬP PHÍA NAM ĐẢO CÁT HẢI. VỊ TRÍ 20-50.3IN, 106-53.40E. GIỚI HẠN CẢNG: 20-50.01 N, 106-54.28 E; 20-50.01 N, 106-53.99 E; 20-49.30 N, 106-53.45 E; 20-49.29 N, 106-52.67 E. ĐỘ SÂU TRONG GIỚI HẠN CẢNG 9.5M. VỊ TRÍ ĐÓN HOA TIÊU 20-40.11N, 107-00.19E; KHU VỰC NEO XUNG QUANH 20-52.52N, 107-05.09E VỚI BÁN KÍNH 1 HẢI LÝ. ĐỂ BIẾT THÊM CHI TIẾT, THAM KHẢO THÔNG BÁO CHO NGƯỜI ĐI BIỂN SỐ 14/2011.
5. Nội dung chính của thông báo	
6. Vị trí địa lý	
7. Các chú ý	
8. Hủy bỏ nội dung thông báo	

Message Element	Example 1
1. Message series identifier	NAVAREA XI 15/11 EAST SEA GULF OF TONKIN ESTABLISHMENT OF NEW PORT - PORT OF LACH HUYEN NEW PORT OF LACH HUYEN IS LOCATED IN SOUTH OF CAT HAI ISLAND. POSITION 20-50.3 IN, 106-53.40E. PORT LIMITS 20-50.01 N, 106-54.28 E; 20-50.01 N, 106-53.99 E; 20-49.30 N, 106-53.45 E; 20-49.29 N, 106-52.67 E.
2. General area	
3. Locality	
4. Chart number	
5. Key subject	
6. Geographical position	
7. Amplifying remarks	
8. Cancellations details	

Message Element	Example 1
	WATER DEPTH INSIDE PORT LIMITS PILOT BOARDING AREA 20-40.11N, 107-00.19E; ANCHORAGE AROUND 20-52.52N, 107-05.09E, RADIUS INM. FOR MORE DETAILS, REFER NTM 14/2011.

4. Các mẫu bản điện truyền phát thông báo hàng hải về việc xuất hiện chướng ngại vật mới phát hiện

Thành phần bức điện	Ví dụ 1
1. Số hiệu thông báo	KHU VỰC XI 15/11 BIỂN ĐÔNG CẢNG VŨNG TÀU HẢI ĐỒ_____ (QUỐC TẾ_____). VỊ TRÍ BÃI CẠN XÁC ĐỊNH TẠI: A. 28M 10-20.1N 107-05.1E. B. 13.5M 10-19.2N 107-04.2E. C. 27M 10-21.8N 107-06.1E.
2. Khu vực bao quát chung	
3. Khu vực địa phương	
4. Số hiệu hải đồ chịu ảnh hưởng	
5. Nội dung chính của thông báo	
6. Vị trí địa lý	
7. Các chú ý	
8. Hủy bỏ nội dung thông báo	

Message Element	Example 1
1. Message series identifier	NAVAREA XI 15/11 EAST SEA. PORT OF VUNG TAU
2. General area	
3. Locality	

Message Element	Example 1
4. Chart number	CHART_____ (INT_____). SHOALS LOCATED: A. 28 METRES 10-20.1N 107-05.1E. B. 13.5 METRES 10-19.2N 107-04.2E. C. 27 METRES 10-21.8N 107-06.1E.
5. Key subject	
6. Geographical position	
7. Amplifying remarks	
8. Cancellations details	

Thành phần bức điện	Ví dụ 2
1. Số hiệu thông báo	KHU VỰC XI 15/11 BIỂN ĐÔNG CẢNG VŨNG TÀU HẢI ĐỒ_____(QUỐC TẾ_____). BÁO CÁO KHU VỰC CÓ ĐỘ SÂU THẤP HƠN NHIỀU SO VỚI ĐỘ SÂU GHI TRÊN HẢI ĐỒ TẠI 11-59.89S 107-17.50E.
2. Khu vực bao quát chung	
3. Khu vực địa phương	
4. Số hiệu hải đồ chịu ảnh hưởng	
5. Nội dung chính của thông báo	
6. Vị trí địa lý	
7. Các chú ý	
8. Hủy bỏ nội dung thông báo	

Message Element	Example 2
1. Message series identifier	NAVAREA XI 15/11 EAST SEA PORT OF VUNG TAU CHART _____ (INT_____).
2. General area	
3. Locality	

Message Element	Example 2
4. Chart number	SIGNIFICANTLY LESS WATER THAN CHARTED REPORTED 11-59.89S 107-17.50E.
5. Key subject	
6. Geographical position	
7. Amplifying remarks	
8. Cancellations details	

5. Các mẫu bản điện truyền phát thông báo hàng hải về khu vực biển hạn chế hoạt động, cấm hoạt động hàng hải

Thành phần bức điện	Ví dụ 1
1. Số hiệu thông báo	KHU VỰC XI 333/11 BIỂN ĐÔNG CẢNG VŨNG TÀU 1. BẮN ROCKET TỪ 0330 ĐẾN 0530 UTC 28 TH4 ĐẾN 03 TH5 11. KHU VỰC BIỂN ĐƯỢC THIẾT LẬP NHƯ SAU: A. 10-20N 117-45E. B. 10-20N 127-30E. C. 10-10N 117-45E. D. 10-10N 127-30E. YÊU CẦU CÁC TÀU TRÁNH XA KHU VỰC NÀY. 2. THÔNG BÁO NÀY ĐƯỢC HỦY BỎ LUC 030630 UTC TH5 11.
2. Khu vực bao quát chung	
3. Khu vực địa phương	
4. Số hiệu hải đồ chịu ảnh hưởng	
5. Nội dung chính của thông báo	
6. Vị trí địa lý	
7. Các chú ý	
8. Hủy bỏ nội dung thông báo	

Message Element	Example 1
1. Message series identifier	NAVAREA XI 333/11 EAST SEA PORT OF VUNG TAU
2. General area	
3. Locality	

Message Element	Example 1
4. Chart number	1. ROCKET LAUNCHING SCHEDULED 0330 TO 0530 UTC 28 APR TO 03 MAY 11. FOLLOWING RANGE CLEARANCE AREA ESTABLISHED: A. 10-20N 117-45E. B. 10-20N 127-30E. C. 10-10N 117-45E. D. 10-10N 127-30E. VESSELS TO REMAIN CLEAR OF THIS AREA. 2. CANCEL THIS MESSAGE 030630 UTC MAY 11.
5. Key subject	
6. Geographical position	
7. Amplifying remarks	
8. Cancellations details	

6. Các mẫu bản điện truyền phát thông báo hàng hải về việc yêu cầu chuyển hướng, tạm ngừng hoạt động của luồng hàng hải

Thành phần bức điện	Ví dụ 1
1. Số hiệu thông báo	KHU VỰC XI 151/11 VỊNH HẠ LONG CẢNG HẢI PHÒNG 1. CẢNG HẢI PHÒNG TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG ĐỂ CHUẨN BỊ PHÒNG CHỐNG BÃO MEGI. TẤT CẢ CÁC VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN TỪ ĐÀO CÁT HẢI TỚI CẦU BÍNH ĐÃ ĐƯỢC THIẾT LẬP VÀNH ĐAI. KHÔNG TÀU NÀO ĐƯỢC PHÉP RA VÀO HAY ĐI QUA LUỒNG CÀNG BIỂN KHI KHÔNG CÓ SỰ CHO PHÉP CỦA CẢNG VỤ HÀNG HẢI HẢI PHÒNG. 2. LIÊN LẠC VỚI CẢNG VỤ HÀNG HẢI HẢI PHÒNG ĐỂ BIẾT THÊM THÔNG TIN MỚI NHẤT.
2. Khu vực bao quát chung	
3. Khu vực địa phương	
4. Số hiệu hải đồ chịu ảnh hưởng	
5. Nội dung chính của thông báo	
6. Vị trí địa Lý	
7. Các chú ý	
8. Hủy bỏ nội dung thông báo	

Message Element	Example 1
1. Message series identifier	NAVAREA XI 151/11 HALONG BAY HAI PHONG PORT 1. THE PORTS FOR HAI PHONG HAVE BEEN CLOSED UNTIL FURTHER NOTICE IN PREPARATION FOR THE ANTICIPATED IMPACT OF STORM MEGI. ALL INLAND WATERS FROM CAT HAI ISLAND TO BINH BRIDGE BOUNDARY HAS BEEN ESTABLISHED. NO VESSEL MAY ENTER, DEPART OR TRANSIT WITHIN THIS ZONE WITHOUT THE PERMISSION OF THE MARITIME ADMINISTRATION OF HAI PHONG. 2. CONTACT MARITIME ADMINISTRATION OF HAI PHONG FOR UPDATED INFORMATION.
2. General area	
3. Locality	
4. Chart number	
5. Key subject	
6. Geographical position	
7. Amplifying remarks	
8. Cancellations details	

Mẫu số 33

GIẤY KHAI BÁO Y TẾ
THI THỂ, HÀI CỐT, TRO CỐT

Health Quarantine Declaration of Corpse, Bones, Body, Body ash

Họ tên người khai/*Name of declarant*:.....

Địa chỉ/*Address*.....

Quan hệ với người chết/*Declarant's relation to deceased*.....

Họ tên người chết/*Name of deceased*.....

Nam/*Male* □ Nữ/*Female* □

Ngày sinh/*Date of birth*..... Ngày chết/*Date of death*.....

Quốc tịch/*Nationality*..... Nơi chết/*Place of death*.....

Nguyên nhân chết (nếu là thi thể/*Cause of death (for corpse only)*.....

Chuyển từ/*Transported from*..... Đến/*Arrival*.....

Có xác nhận của tổ chức y tế nơi xuất phát xác nhận điều kiện khâm liệm thi thể không?/*Is there an official letter or local of authorized health unit confirming on sanitary of corpse?*

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời khai này/*I certify that the declaration given on this form is correct and complete to the best of my knowledge and belief.*

Ngày... tháng... năm
Date (dd/mm/yy)
Người khai (ký, ghi họ tên)
Signature and fullname of the declarant

Mẫu số 34

BẢN KHAI NGƯỜI TRỐN TRÊN TÀU
DECLARATION OF STOWAWAY

1. CHI TIẾT VỀ TÀU/*SHIP DETAILS*

Tên tàu/*Name of ship*:

Số IMO/*IMO number*:

Quốc tịch tàu/*Flag State of ship:*

Công ty tàu/*Company:*

Địa chỉ công ty/*Company address:*

Đại lý cảng tiếp/*Agent in next port:*

Địa chỉ đại lý/*Agent address:*

IRCS:

Số INMARSAT/*INMARSAT number:*

Cảng đăng ký/*Port of registry:*

Tên thuyền trưởng/*Name of the Master:*

Đại lý tàu biển/*Shipping agent:*

2. CHI TIẾT VỀ NGƯỜI TRỐN TRÊN TÀU/*STOW AWAY DETAILS*

Thời gian phát hiện trên tàu/*Date/time found on board:*
Nơi tìm thấy trên tàu/*Place of boarding*:
Quốc gia xảy ra việc trốn lên tàu/*Country of boarding:*
Thời gian xảy ra việc trốn lên tàu/*Date/time of boarding:*
Đích cuối cùng của người trốn trên tàu/*Intended final destination:*
Lời khai lý do trốn trên tàu/*Stated reasons for boarding ship:*
Họ/*Surname:*
Tên/*Given name:*
Tên khác/*Name by which known:*
Giới tính/*Gender*:
Ngày sinh/*Date of birth:*
Nơi sinh/*Place of birth:*
Khai báo về quốc tịch/*Claimed nationality:*
Địa chỉ nhà riêng/*Home address:*
Quốc gia cư trú/*Country of domicile:*
Số - loại giấy tờ/*ID-document type, e.g. Passport No:*
Số Chứng minh hoặc Sổ thuyền viên/*ID- Card No. or Seaman's book No:*
Nếu có/*If yes,*

Ngày cấp/*When issued:*

Nơi cấp/*Where issued:*

Ngày hết hạn/*Date of expiry:*

Cơ quan cấp/*Issued by:*

Ảnh của người trốn trên tàu/*Photograph of the stowaway:*

Đặc điểm nhận dạng của người trốn trên tàu/
General physical description of the stowaway:

Ngôn ngữ sử dụng chính/*First language:*

Khả năng nói, diễn đạt/*Spoken:*

Khả năng đọc/*Read:*

Khả năng viết/*Written:*

Ngôn ngữ khác/*Other languages:*

Khả năng nói, diễn đạt/*Spoken:*

Khả năng đọc/*Read:*

Khả năng viết/*Written:*

3. CÁC CHI TIẾT KHÁC/*OTHER DETAILS*

(1) Phương thức trốn trên tàu, bao gồm cả những người liên quan (Ví dụ: Thủy thủ, công nhân cảng.v.v.) và cả người trốn trong hàng hóa/container hoặc ẩn ở trên tàu/*Method of boarding, including other persons involved (e.g. crew, port workers, etc.), and whether the Stowaway was secreted in cargo/container or hidden in the ship:*

(2) Kiểm kê tài sản người trốn trên tàu/*Inventory of the Stowaway's possessions:*

(3) Tờ khai của người trốn trên tàu/*Statement made by the Stowaway:*

(4) Tờ khai của Thuyền trưởng (bao gồm cả những nhận xét về tính xác thực về những thông tin mà người trốn trên tàu khai)/*Statement made by the Master (including any observations on the credibility of the information provided by the Stowaway)*.

Các ngày thực hiện phỏng vấn/*Date(s) of Interview(s):*

CHỮ KÝ NGƯỜI TRỐN TRÊN TÀU *STOWAWAY'S SIGNATURE*	**CHỮ KÝ THUYỀN TRƯỞNG** *MASTER'S SIGNATURE*	**CHỮ KÝ ĐẠI LÝ** *AGENT'S SIGNATURE*
DATE:	***DATE:***	***DATE:***

Mẫu số 35

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày... tháng... năm 20...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cho phép tiến hành hoạt động trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của cảng vụ hàng hải

Kính gửi: Cảng vụ hàng hải.....

Tên người làm thủ tục:.....

Đăng ký kinh doanh (hoặc Chứng minh nhân dân) số..... ngày..... tháng..... năm... tại.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại liên hệ:.....

Đề nghị Cảng vụ hàng hải..... cho phép tiến hành hoạt động trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải theo quy định tại Điều... Nghị định số..... quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải với các thông tin dưới đây:

1. Chủ thể tiến hành:.....
2. Hoạt động tiến hành:.....
3. Thời gian tiến hành:.....
4. Địa điểm tiến hành:.....
5. Lý do, sự cần thiết:.....
6. Biện pháp cần thiết bảo đảm an toàn, an ninh, phòng ngừa ô nhiễm môi trường:.....
7. Bản sao ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có):.....
8. Bản sao các văn bản có liên quan (nếu có)

Kính đề nghị Cảng vụ hàng hải..... xem xét, giải quyết./.

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 36

BẢN KHAI VŨ KHÍ VÀ VẬT LIỆU NỔ

DECLARATION OF ARMS AND EXPLOSIVE MATERIALS

Trang số:
Page number:

Tên tàu:
Name of ship

Số IMO
IMO number

Quốc tịch tàu:
Flag State of ship

Hô hiệu:
Call sign

Tên thuyền trưởng:
Master's name

Đại lý tàu biển
Shipping agent

Thứ tự *Order*	**Loại vũ khí và vật liệu nổ** *Kind and description of arm and explosive material*	**Số lượng** *Quantity*	**Tên và số hiệu** *Mask and number*	**Nơi cất giữ, bảo quản** *Stored place*

Chữ ký đại lý
Agent's signature

Chữ ký thuyền trưởng:
Master's signature

Địa điểm, thời gian
Place and date

Địa điểm, thời gian
Place and date

Mẫu số 37

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM Vietnam Maritime Administration Cảng vụ hàng hải..... The Maritime Administration of..... Số: /QĐ-CVHH *No.....*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Socialist Republic of Vietnam Independence - Freedom - Happiness *....., ngày.... tháng.... năm 20....* *....., Date.....*

QUYẾT ĐỊNH
Tạm giữ tàu biển
Decision on temporary detention of ship

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Pursuant to the Maritime Code of Vietnam dated 25 November 2015;

Căn cứ Nghị định số..../20..../NĐ-CP ngày... tháng... năm 20..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải (dưới đây gọi là Nghị định số:..../20..../NĐ-CP),

Pursuant to Decree..../20.../NĐ-CP dated..... of the Government on Management of Maritime Activities (hereinafter referred to as Decree No...../20....ND-CP),

QUYẾT ĐỊNH
IT IS HEREBY DECIDED

Tạm giữ tàu biển:.....

To temporality detain the ship:

Quốc tịch:.....

Nationality:

Chủ tàu:.....

Shipowners:

Tên thuyền trưởng:.....

Name of Ship's master:

Lý do tạm giữ:.....

Reasons for the temporary detention:

Thời điểm bắt đầu việc tạm giữ:.....

Time of the commencement of temporary detention:

Địa điểm tạm giữ:.....

Place of temporary detention:

Yêu cầu thực hiện:.....

It is requested:

GIÁM ĐỐC
Director

Nơi nhận/To:
- Thuyền trưởng;
Ship's Master
- Cục Hàng hải Việt Nam (để b/c);
Vietnam Maritime Administration (for reporting)
- Các CQ QLNN tại cảng;
State management administrations at port
- Lưu HC+.....
Filed at

Mẫu số 38

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM Vietnam Maritime Administration Cảng vụ hàng hải..... The Maritime Administration of.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Socialist Republic of Vietnam Independence - Freedom - Happiness
Số: /QĐ-CVHH *No.....*	*....., ngày.... tháng.... năm 20....* *....., Date.....*

QUYẾT ĐỊNH
Chấm dứt việc tạm giữ tàu biển
Decision on the termination of the temporary detention of ship

Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Pursuant to the Maritime Code of Vietnam dated 25 November 2015;

Căn cứ Nghị định số...../20...../NĐ-CP ngày... tháng... năm 20..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải (dưới đây gọi là Nghị định số:..../20..../NĐ-CP),

Pursuant to Decree...../20.../ND-CP dated..... of the Government on Management of Maritime Activities (hereinafter referred to as Decree No...../20....ND-CP),

QUYẾT ĐỊNH
IT IS HEREBY DECIDED

Chấm dứt việc tạm giữ tàu biển:.....

To terminate the temporality detention of the ship:

Quốc tịch:.....

Nationality:

Chủ tàu:.....

Shipowners:

Tên thuyền trưởng:.....

Name of Ship's master

Lý do chấm dứt tạm giữ:.....

Reasons for the termination of temporary detention:

Thời điểm bắt đầu chấm dứt việc tạm giữ:

Time of the commencement of termination of temporary detention:

Yêu cầu thực hiện:.....

It is requested:

GIÁM ĐỐC

Director

Nơi nhận/To:
- Thuyền trưởng;
Ship's Master
- Cục Hàng hải Việt Nam (để b/c);
Vietnam Maritime Administration (for reporting)
- Các CQ QLNN tại cảng;
State management administrations at port
- Lưu HC+.....
Filed at

Mẫu số 39

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày... tháng... năm 20...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cho phép tàu biển nước ngoài có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân, tàu vận chuyển chất phóng xạ đến cảng biển

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải.

Tên người làm thủ tục:.....

Đăng ký kinh doanh (hoặc Chứng minh thư nhân dân) số..... ngày..... tháng..... năm.... tại.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại liên hệ:.....

Đề nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận cho phép tàu biển nước ngoài có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân, tàu vận chuyển chất phóng xạ đến cảng biển theo quy định tại Điều... Nghị định số..... quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải với các thông tin dưới đây:

1. Tên tàu biển:.....
2. Quốc tịch tàu biển:.....
3. Chủ tàu:.....
4. Cảng biển hoặc bến cảng, cầu cảng tàu vào:.....
5. Lý do, sự cần thiết vào cảng:.....
6. Thời gian dự kiến hoạt động tại Việt Nam:.....
7. Bản sao ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có):.....
8. Bản sao các văn bản có liên quan (nếu có):.....
9. Tài liệu kèm theo:.....

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký tàu biển;
- Bản sao các giấy chứng nhận về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường của tàu.

Kính đề nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét, giải quyết./.

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 40

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày... tháng... năm 20...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cho tàu thuyền nước ngoài đến cảng thực hiện các hoạt động đặc thù

Kính gửi:.....

Tên người làm thủ tục:.....

Đăng ký kinh doanh (hoặc Chứng minh nhân dân) số..... ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại liên hệ:.....

Đề nghị..... xem xét cấp Giấy phép hoặc văn bản chấp thuận cho tàu thuyền nước ngoài đến cảng thực hiện các hoạt động đặc thù theo quy định tại Điều..... Nghị định số..... quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải với các thông tin dưới đây:

1. Tên tàu biển:.....
2. Quốc tịch tàu biển:.....
3. Chủ tàu:.....
4. Cảng biển hoặc bến cảng, cầu cảng tàu đến:.....
5. Lý do, sự cần thiết vào cảng:.....
6. Thời gian dự kiến hoạt động tại Việt Nam:.....
7. Bản sao ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có):.....
8. Bản sao các văn bản có liên quan (nếu có):.....
9. Tài liệu kèm theo:

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký tàu biển;
- Bản sao các giấy chứng nhận về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường của tàu.

Kính đề nghị..... xem xét, giải quyết./.

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 41

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI AN NINH TÀU BIỂN

SHIP'S SECURITY NOTIFICATION

<table>
<tr><td colspan="2">1. Tên tàu:
Name of ship</td><td>2. Quốc tịch tàu
Flag state of ship</td><td>3. Hô hiệu
Call-Sign</td></tr>
<tr><td>4. Tổng dung tích
Gross tonnage</td><td>5. Loại tàu:
Type of ship</td><td colspan="2">6. Số lượng thuyền viên:
No.of crew</td></tr>
<tr><td colspan="2">7. Thời gian dự kiến đến cảng:
ETA:</td><td colspan="2">8. Số IMO:
IMO No.</td></tr>
<tr><td colspan="4">9. Mục đích đến cảng: Bốc/Dỡ/Tiếp nhiên liệu/Sửa chữa/Mục đích khác (gạch bỏ từ thích hợp)
Purpose of Call: Loading/Discharging/Bunkering/Shipyard/Others (Delete as appropriate)
Nếu là mục đích khác nêu rõ:
If others, please specify purpose:</td></tr>
<tr><td colspan="4">10. Tên khu vực neo đậu hoặc cầu cảng mà tàu sẽ đến:
Name of anchorage or port factility your ship in bound for:</td></tr>
<tr><td colspan="4">11. Tên Đại lý tàu biển tại Việt Nam:
Name of Ship Agent in Vietnam:
Tel No: Fax No:</td></tr>
<tr><td colspan="4">12. Tàu có GCN quốc tế về an ninh tàu biển (ISSC) không?
Does your ship possess a valid International Ship Security Certificate (ISSC)?
Có/Không (gạch bỏ từ thích hợp)
Yes/No (Delete as appropriate)
Nếu câu trả lời là "Có" thì nêu chi tiết tại các câu hỏi 13, 14
If answer if 'Yes' give details in Q13 and Q14.</td></tr>
<tr><td colspan="4">13. Tên cơ quan cấp ISSC:
Name of issuing authority for the ISSC</td></tr>
<tr><td colspan="2">14. Ngày cấp ISSC
Date of issue of the ISSC</td><td colspan="2">15. Ngày ISSC hết hạn:
Date of expiry of the ISSC</td></tr>
</table>

16. Cấp độ an ninh hiện tại của tàu:
Current security level of the ship

17. Mười cảng mà tàu đã ghé vào gần nhất, ngày đến, ngày đi và cấp độ an ninh tàu đã áp dụng khi thực hiện giao tiếp giữa tàu biển và cảng biển:
Last 10 ports of call, including arrival/departure dates and the security level at which the ship operated at these ports where it has conducted a ship/port interface

	Cảng Port	Ngày đến Arrival	Ngày đi Departure	Cấp độ an ninh Security Level

18. Trong thời gian thực hiện bất kỳ giao tiếp giữa tàu biển và cảng biển được đề cập tại câu hỏi 17 trên đây, tàu biển có áp dụng biện pháp an ninh đặc biệt hoặc biện pháp an ninh bổ sung nào không?

Were there any special or additional security measures taken during any ship/port interface at the ports mentioned in Q17?

Có/Không (gạch bỏ từ thích hợp)
Yes/No (Delete as appropriate)

Nếu câu trả lời là "Có" thì nêu chi tiết;
If answer is "Yes", give detail:

19. Trong thời gian thực hiện bất kỳ giao tiếp giữa tàu biển và tàu biển được đề cập tại câu hỏi 17 trên đây, tàu biển có duy trì biện pháp an ninh thích hợp không?

Were there appropriate ship security measures maintained during any ship-to-ship activity interface at the ports mentioned in Q17?

Có/Không (gạch bỏ từ thích hợp)
Yes/No (Delete as appropriate)

Nếu câu trả lời là "Có" thì nêu chi tiết:
If answer is "Yes", give detail:

Chữ ký của Thuyền trưởng/Chủ tàu/ Đại lý tàu:..... Signature of Master/Shipowner/Agent Họ tên của Thuyền trưởng/Chủ tàu/Đại lý tàu:..... Name of master/Shipowner/Agent	

Vị trí hiện tại: Vĩ độ.....; Kinh độ:.....
Present position: Latitude Longitude

Mẫu số 42

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI CHUNG
GENERAL DECLARATION

<table>
<tr><td colspan="2"></td><td>☐ Đến
Arrival</td><td>☐ Rời
Departure</td></tr>
<tr><td colspan="2">1.1 Tên và loại tàu:
Name and type of ship</td><td rowspan="5">2. Cảng đến/rời
Port of arrival/
departure</td><td rowspan="5">3. Thời gian đến/
rời cảng
Date - time of
arrival/departure</td></tr>
<tr><td colspan="2">1.2 Số IMO
IMO number</td></tr>
<tr><td colspan="2">1.3 Hô hiệu
Call sign</td></tr>
<tr><td colspan="2">1.4 Số đăng ký hành chính
Official number</td></tr>
<tr><td colspan="2">1.5 Số chuyến đi:
Voyage number</td></tr>
<tr><td>4. Quốc tịch tàu:
Flag State of ship</td><td>5. Tên thuyền trưởng:
Name of master</td><td colspan="2">6. Cảng rời cuối cùng/cảng đích:
Last port of call/next port of call</td></tr>
<tr><td colspan="2">7. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng):
Certificate of registry (Number, date, Port)</td><td colspan="2" rowspan="3">8. Tên và địa chỉ liên lạc của người làm thủ tục:
Name and contact details of the procedurer</td></tr>
<tr><td>9. Tổng dung tích:
Gross tonnage</td><td>10. Trọng tải toàn phần:
Deadweight (DWT)</td></tr>
<tr><td colspan="2">11. Số đăng kiểm
Registry number</td></tr>
<tr><td colspan="4">12. Đặc điểm chính của chuyến đi:
Brief particulars of voyage
Các cảng trước:
Previous ports of call
Các cảng sẽ đến:
Subsequent ports of call
Các cảng sẽ dỡ hàng:
Ports where remaining cargo will be discharged</td></tr>
</table>

Số hàng còn lại: Remaining cargo			
13. Thông tin về hàng hóa vận chuyển trên tàu: Description of the cargo			
Loại hàng hóa Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity of cargo	Đơn vị tính Unit
Xuất khẩu Export cargo			
.....			
Nhập khẩu Import cargo			
....			
Nội địa Domestic cargo			
....			
Hàng trung chuyển Transshipment cargo			
.....			

Thông tin về hàng hóa quá cảnh Description of the cargo in transit				
Loại hàng Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity of cargo	Số lượng hàng hóa quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging	Đơn vị tính Unit
Hàng quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharing at port				
.....				
Hàng quá cảnh không xếp dỡ The quantity of cargo in transit				
.....				
14. Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng) Number of crew (inl. master)	15. Số hành khách Number of passengers	16. Ghi chú: Remarks - Mớn nước mũi, lái: Draft F/A		

<table>
<tr><td colspan="2">Tài liệu đính kèm (ghi rõ số bản)
Attached documents (indicate number of copies)</td><td rowspan="3">- Chiều dài lớn nhất:
LOA
- Chiều rộng lớn nhất:
Breadth
- Chiều cao tĩnh không:
Air draft
- Loại nhiên liệu sử dụng trên tàu:
Type of fuel
- Lượng nhiên liệu trên tàu:
Remain on board (R.O.B)
- Tên và địa chỉ chủ tàu:
Name and address of the shipowners
- Các thông tin cần thiết khác (nếu có)
And others (If any)</td></tr>
<tr><td>17. Bản khai hàng hóa:
Cargo Declaration</td><td>18. Bản khai dự trữ của tàu
Ship’s Stores Declaration</td></tr>
<tr><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td>19. Danh sách thuyền viên
Crew List</td><td>20. Danh sách hành khách
Passenger List</td><td rowspan="3">21. Yêu cầu về phương tiện tiếp nhận và xử lý chất thải
The ship’s requirements in terms of waste and residue reception facilities</td></tr>
<tr><td>22. Bản khai hành lý thuyền viên(*)
Crew’s Effects Declaration(*)</td><td>23. Bản khai kiểm dịch y tế (*)
Maritime Declaration of Health(*)</td></tr>
<tr><td colspan="2">24. Mã số Giấy phép rời cảng (*)
Number of port clearance</td><td></td></tr>
</table>

...., ngày... tháng... năm...
Date.....
Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (or authorized agent or officer)

Ghi chú:
Note:
(*) Mục này chỉ khai khi tàu đến cảng.
Only on arrival.
Mục 1.2 và 1.3 chỉ khai đối với tàu biển.
No 1.2 and 1.3: Only for ships.
Mục 1.4 và 11 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.
No 1.4 and 11: Only for inland waterway ships.

Mẫu số 43

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI HÀNG HÓA
CARGO DECLARATION

			☐ Đến Arrival	☐ Rời Departure	Trang số: Page No:	
	1.1 Tên tàu Name of ship		2. Cảng lập bản khai: Port where report is made			
	1.2 Số IMO IMO number					
	1.3 Hô hiệu Call sign					
	1.4 Số đăng ký hành chính Official number					
	1.5 Số đăng kiểm Registry number					
	1.6 Số chuyến đi: Voyage number					
	3. Quốc tịch tàu: Flag State of ship	4. Tên thuyền trưởng: Name of master	5. Cảng bốc/dỡ hàng hóa: Port of loading/Port of discharge			
Vận đơn số* B/L No	6. Ký hiệu và số hiệu hàng hóa Marks and Nos.	7. Số và loại bao kiện; loại hàng hóa, mã hàng hóa Number and kind of packages; description of goods, or, if available, the HS code	8. Tổng trọng lượng Gross weight	9. Kích thước Measurement		
	Xuất khẩu Export cargo					
	...					

Nhập khẩu Import cargo			
...			
Nội địa Domestic cargo			
...			
Hàng quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharing at port			
...			
Hàng quá cảnh không xếp dỡ The quantity of cargo in transit			
...			
Hàng trung chuyển Transshipment cargo			

* Số Vận đơn: Khai cảng nhận hàng chính thức theo phương thức vận tải đa phương thức hoặc vận đơn suốt.

B/L No: Also state original port by shipment using multimodal transport document or through Bill of Lading

....., ngày..... tháng..... năm...
Date.....
Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

Ghi chú:
Note:
Mục 1.2 và 1.3 chỉ khai đối với tàu biển.
No 1.2 and 1.3: Only for ships.
Mục 1.4 và 1.5 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.
No 1.4 and 1.5: Only for inland waterway ships.

Mẫu số 44

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

XÁC BÁO TÀU ĐẾN CẢNG (QUÁ CẢNH)
CONFIRMATION OF ARRIVAL OF VESSEL AT THE PORT (TRANSIT)

<table>
<tr><td colspan="2">1. Tên và loại tàu:
Name and type of ship</td><td>4. Cảng đến
Port of arrival</td><td>5. Thời gian đến
Time of arrival</td></tr>
<tr><td colspan="2">2. Số IMO:
IMO number</td><td rowspan="6"></td><td rowspan="6"></td></tr>
<tr><td colspan="2">3. Hô hiệu:
Call sign</td></tr>
<tr><td colspan="2">6. Số đăng ký hành chính:
Official number</td></tr>
<tr><td colspan="2">7 Số đăng kiểm:
Registry number</td></tr>
<tr><td colspan="2">8. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng):
Certificate of registry (Number, date, Port)</td></tr>
<tr><td colspan="2">9. Quốc tịch tàu
Flag State of ship</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="4">10. Tình trạng người trên tàu</td></tr>
<tr><td>Người ốm (nếu có)
Ill person (If any)
Tên:
Name:
Tuổi:
Age:
Quốc tịch(*):
National:
Số định danh cá nhân/CMND:
Personal identification number:
Tình trạng bệnh tật:
Ilness status</td><td>Người chết (nếu có)
Dead person (If any)
Tên:
Name:
Tuổi:
Age:
Quốc tịch(*):
National:
Số định danh cá nhân/CMND:
Personal identification number: Tình trạng bệnh tật:
Ilness status
Lý do tử vong:
Reason of dead</td><td>Người cứu vớt được trên biển (nếu có)
Rescued person (If any)
Tên:
Name:
Tuổi:
Age:
Quốc tịch(*):
National:
Số định danh cá nhân/CMND:
Personal identification number:</td><td>Người trốn trên tàu (nếu có)
Stow away (If any)
Tên:
Name:
Tuổi:
Age:
Quốc tịch(*):
National:
Số định danh cá nhân/CMND:
Personal identification number:</td></tr>
<tr><td colspan="4">Các yêu cầu liên quan khác
Realavant requirements</td></tr>
</table>

Ghi chú:
Note:
Mục 2 và 3 chỉ khai đối với tàu biển.
No 2 and 3: Only for ships.
Mục 6 và 7 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.
No 6 and 7: Only for inland waterway ships.
(*) Mục này chỉ khai đối với người nước ngoài.
Only for foreigner.

..., ngày... tháng... năm...
Date.....
Thuyền trưởng (hoặc đại lý)
Master (or authorized agent)

Mẫu số 45

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Cảng vụ hàng hải..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

LỆNH ĐIỀU ĐỘNG

Lệnh điều động số:.....
Tên tàu:.....
Quốc tịch:.....
Dung tích toàn phần:.....
Số lượng thuyền viên:.....
Số lượng hành khách:.....
Đang neo đậu tại:.....
Phải di chuyển tới:.....
Vào hồi..... giờ..... ngày.....
Lý do điều động:.....
Cấp.....giờ.....ngày..../...../.....

GIÁM ĐỐC

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Vietnam Maritime Administration **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Cảng vụ hàng hải..... Socialist Republic of Vietnam
The Maritime Administration of..... Independence - Freedom - Happiness

LỆNH ĐIỀU ĐỘNG
SHIFTING ORDER

Kính gửi: Thuyền trưởng tàu.....
To: master of M/V.....
Giám đốc Cảng vụ hàng hải..... Yêu cầu tàu.....
The Director of Maritime Administration of requests the vessel
Đang neo đậu tại..... Di chuyển tới.....
Anchoring/Berthing at To be shifted to
Vào hồi:..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....
At hrs on month year
Lý do điều động:.....
Reasons to shift
Yêu cầu ông thực hiện nghiêm chỉnh lệnh này.
You are requested to comply in full this shifting order.
Giấy phép số:...../CV.....
No

Ngày..... tháng.... năm 20....
Date.....
GIÁM ĐỐC
Director

Mẫu số 46

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐIỀU ĐỘNG TÀU THUYỀN

Thời gian Time	**Tên tàu** Name of ship	**Mớn nước** Draft	**Chiều dài lớn nhất** LOA	**Trọng tải** DWT	**Tàu lai** Tug boat	**Tuyến luồng** Chanel	**Từ** From	**Đến** To	**Đại lý** Agent

..... Ngày... tháng.... năm 20...
Date.....
GIÁM ĐỐC
Director

Mẫu số 47

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

DANH SÁCH THUYỀN VIÊN
CREW LIST

		Đến Arrival		Rời Departure	Trang số: Page No:

1.1 Tên tàu: Name of ship	2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure	3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure
1.2 Số IMO: IMO number	1.3 Hô hiệu: Call sign	1.7 Số chuyến đi: Voyage number
1.4 Số đăng kiểm: Registry number	1.5 Số đăng ký hành chính Official number	
1.6 Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (Number, date, Port)		
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship	5. Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/port of destination	

STT No.	Họ và tên Family name, given name	Chức danh Rank of rating	Quốc tịch (*) Nationality	Ngày và nơi sinh (*) Date and place of birth	Loại và Số giấy tờ nhận dạng (Hộ chiếu của thuyền viên/ Số định danh cá nhân/CMND) Nature and No. of identity document (seaman's passport/Personal identification number)

....., ngày... tháng... năm...
Date.....
Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

Ghi chú:
Note:
Mục 1.2 và 1.3 chỉ khai đối với tàu biển;
No 1.2 and 1.3: Only for ships.
Mục 1.4 và 1.5 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.
No 1.4 and 1.5: Only for inland waterway ships.
(*) Mục này chỉ khai đối với người nước ngoài.
Only for foreigner.

Mẫu số 48

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH
PASSENGER LIST

		☐ Đến Arrival		☐ Rời Departure		Trang số: Page No:	
1.1 Tên tàu: Name of ship		2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure		3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure			
1.2 Số IMO: IMO number:		1.3 Hô hiệu: Call sign		1.7 Số chuyến đi: Voyage number			
1.4 Số đăng kiểm Registry number		1.5 Số đăng ký hành chính: Official number					
1.6 Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (Number, date, Port)							
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship							
Họ và tên Family name, given name	Quốc tịch (*) Nationality	Ngày và nơi sinh (*) Date and place of birth	Loại Hộ chiếu Type of identity or travel document	Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân/CMND Serial number of identity or travel document/ Personal identification number	Cảng lên tàu Port of embarkation	Cảng rời tàu Port of disembarkation	Hành khách quá cảnh hay không Transit passenger or not

Ghi chú:
Note:
Mục 1.2 và 1.3 chỉ khai đối với tàu biển;
No 1.2 and 1.3: Only for ships.
Mục 1.4 và 1.5 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.
No 1.4 and 1.5: Only for inland waterway ships.
(*) Mục này chỉ khai đối với người nước ngoài.
Only for foreigner.

....., ngày... tháng.... năm...
Date.....
Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

Mẫu số 49

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI HÀNG HÓA NGUY HIỂM/DANGEROUS GOODS MANIFEST

1.1 Tên tàu
Name of ship

1.2 Số IMO
IMO Number

2. Quốc tịch tàu
Flag state of ship

1.5 Tên thuyền trưởng:
Master's Name

1.3 Hô hiệu
Call sign

3. Cảng nhận hàng
Port of loading

4. Cảng trả hàng
Port of discharge

1.6 Đại lý tàu biển:
Shipping Agent

1.4 Số chuyến đi:
Voyage number

5. Hợp đồng vận chuyển hàng hóa và mã số tham chiếu Booking/ reference number	6. Ký hiệu và số kiện Marks & numbers container Id. NO(s) Vehicle Reg. No(s).	7. Số và loại bao kiện Number and kind of packages	8. Cty vận chuyển Proper shipping name	9. Loại hàng hóa Class	10. Số UN UN number	11. Nhóm hàng Packing group	12. Nhóm phụ số Subsidiary risk(s)	13. Điểm bốc cháy Flash point (In oC, c.c.)	14. Ô nhiễm biển Marine pollutant	15. Tổng khối lượng Mass (kg) Gross/ Net	16. EmS

Thông tin bổ sung: Additional Information											

....., ngày... tháng.... năm 20...

Date.....

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (Authorized agent or officer)

Mẫu số 50

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI DỰ TRỮ CỦA TÀU
SHIP'S STORES DECLARATION

		☐ Đến Arrival	☐ Rời Departure	Trang số: Page No:
1.1 Tên tàu: Name of ship		2. Cảng đến/rời: Port of arrival/ departure	3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure	
1.2 Số IMO: IMO number				
1.3 Hô hiệu: Call sign				
1.4 Số chuyến đi: Voyage number				
4. Quốc tịch tàu: Nationality of ship		5. Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/Next port of call		
6. Số người trên tàu Number of person on board	7. Thời gian ở cảng Period of stay			
8. Tên vật phẩm Name of article	9. Số lượng Quantity	10. Vị trí tên tàu Location on board	11. Sử dụng ở trên tàu Official use	

....., ngày..... tháng..... năm 20...
Date.....
Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

Mẫu số 51

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI HÀNH LÝ THUYỀN VIÊN, HÀNH KHÁCH
PASSENGER'S EFFECTS, CREW'S EFFECTS DECLARATION

							Trang số: Page No:
1.1 Tên tàu: Name of ship							
1.2 Số IMO: IMO number							
1.3 Hô hiệu: Call sign							
1.4 Số chuyến đi: Voyage number							
2. Quốc tịch tàu: Flag State of ship							
3. TT No.	4. Họ và tên Family name, given name	5. Chức danh Rank or rating	6. Hành lý phải nộp thuế, bị cấm hoặc hạn chế (*) Effects ineligible for relief from customs duties and taxes or subject to prohibitions or restrictions (*)				7. Chữ ký Signature

(*) Ví dụ: Rượu, cồn, thuốc lá bao, thuốc lá sợi v.v...
e.g. wines, spirits, cigarettes, tobaco, etc...

....., ngày..... tháng... năm 20...
Date.....
Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

Mẫu số 52

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY KHAI BÁO Y TẾ HÀNG HẢI
MODEL OF MARITIME DECLARATION OF HEALTH

Thuyền trưởng của tàu đến từ các cảng ngoài nước phải hoàn chỉnh tờ khai và xuất trình cho cơ quan thẩm quyền/To be completed and submitted to be competent authorities by the master of ships arriving from foreign ports.

Xuất trình tại cảng/Submitted at the port of.....

Ngày/Date.....

Tên tàu thủy/Name of ship or inland navigation vessel.....

Đăng ký/Số IMO/Registration/IMO No.....

Đến từ/Arriving from..... Nơi đến/Sailing to.....

Quốc tịch (cờ quốc tịch)/Nationality (Flags of vessel).....

Thuyền trưởng/Master's name.....

Trọng tải đăng ký (tàu)/Gross tonnage (ship).....

Trọng tải tàu (tàu thủy chạy trong nội địa)/Tonnage inland navigation vessel)

.....

Giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh/Xử lý vệ sinh còn giá trị?/Valid Sanitation Control Exemption/Control Certificate carried on board?

Có/Yes □ Không/No □

Cấp tại/Issued at.....

Ngày tháng/Date.....

Có phải kiểm tra lại hay không?/Re-inspection required?

Có/Yes □ Không/No □

Có đến vùng Tổ chức Y tế thế giới khẳng định ảnh hưởng?/Has ship/vessel visited an affected are identified by the World Health Organization?

Có/Yes □ Không/No □

Tên cảng và ngày đến/*Port and date of visit*

Danh sách các cảng từ khi tàu bắt đầu hành trình, cả ngày tháng xuất phát, hoặc trong vòng 30 ngày qua, nêu tóm tắt/List ports of call from commencement of voyage with dates of departure, or within past thirty days, whichever is shorter

.....

.....

.....

Tùy theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền tại cảng đến, lập danh sách thủy thủ, hành khách hoặc người cùng đi trên tàu kể từ khi bắt đầu hành trình hoặc trong 30 ngày trở lại (nêu tóm tắt), ghi rõ tên nước, tên cảng đã đi qua (kèm theo họ tên và lịch trình)/Upon the request of the competent authority at the port of arrival, list crew members, passengers or other persons who have joined ship/vessel since international voyage began or within past thirty days, whichever in shorter, including all ports/countries visited in this period (add additional names to the attached schedules)

1. Họ tên/Name..... lên tàu từ/joined from: (1).....(2).....

(3).....

2. Họ tên/Name..... lên tàu từ/joined from: (1).....(2).....

(3).....

3. Họ tên/Name..... lên tàu từ/joined from: (1).....(2).....

(3).....

Số thủy thủy trên tàu/Number of crew members on board.....

Số hành khách trên tàu/Number of passengers on board.....

CÁC CÂU HỎI VỀ Y TẾ

Health Questions

1. Có người chết không phải do tai nạn trong hành trình?/Has an person died on board during the voyage otherwise than as a result of accident?

Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

Nếu có, phải có báo cáo chi tiết kèm theo/*If yes, state particulars in attached schedule*/Số tử vong/Total of deaths/.....

2. Có trường hợp nghi mắc bệnh truyền nhiễm trên tàu hoặc trong quá trình hành trình hay không?/Is there on board has there been during the international voyage any case of disease which you suspect to be of an infectious nature?

Có/*Yes* □ Không/*No* □

Nếu có, phải có báo cáo chi tiết theo mẫu kèm theo/If yes, state particulars in attached schedule

3. Có số hành khách bị ốm trong hành trình lớn hơn bình thường không?/*Has the total number of ill passengers during the voyage been greater than normal/expected?*

Có/*Yes* □ Không/*No* □

Bao nhiêu người?/How many ill person?.....

4. Hiện tại có người ốm trên tàu không?/Is there any ill person on board now?

Có/*Yes* □ Không/*No* □

Nếu có, báo cáo chi tiết theo mẫu kèm theo/If yes, state particulars in attached schedule

5. Có được nhân viên y tế can thiệp không?/Was a medical practitioner consulted?

Có/*Yes* □ Không/*No* □

Nếu có, nêu chi tiết biện pháp điều trị hoặc tư vấn y tế kèm theo/If yes, state particulars of medical treatment or advice provided in attached schedule.

6. Bạn có biết điều gì có thể gây nhiễm hoặc lan truyền bệnh trên tàu không?/Are you aware of any condition on board which may lead to infection or spread of disease?

Có/*Yes* □ Không/*No* □

Nếu có, phải có báo cáo chi tiết theo mẫu kèm theo/If yes, state particulars in attached schedule

7. Có biện pháp vệ sinh nào (như kiểm dịch, cách ly, tẩy trùng hoặc tẩy uế) được áp dụng trên tàu không?/ Has any sanitary measure (e.g. quarantine, isolation, disinfection or decontamination) been applied on board?

Có/*Yes* □ Không/*No* □

Nếu có, nêu cụ thể loại, nơi và thời gian áp dụng/If yes, specify type, place and date.....

8. Có người đi lậu vé trên tàu không?/Have any stowaways been from on board?

Có/*Yes* □ Không/*No* □

Nếu có, nơi họ lên tàu ở đâu (nếu biết)?/If yes, where did they join the ship (if know)?.....

9. Có động vật bị ốm hoặc động vật cảnh trên tàu không?/Is there a sick animal or pet on board?

Có/*Yes* □ Không/*No* □

Chú ý: Nếu không có bác sỹ, chủ tàu cần chú ý những triệu chứng hoặc có dấu hiệu mắc bệnh truyền nhiễm trên tàu như sau: Note: In the absence of surgeon, the master should regard the following symptoms as ground for suspecting the existence or a disease of an infectious nature:

(a) sốt kéo dài một vài ngày hoặc kèm theo (i) mệt mỏi, (ii) kém tỉnh táo; (iii) nổi hạch; (iv) vàng da; (v) ho hoặc thở nông; (vi) chảy máu bất thường hoặc; (vii) liệt cục bộ/(a) fever, persisting for several days or accompanied by (i) prostration; (ii) decreased consciousness; (iii) glandular swelling; (iv) jaundice; (v) cough or shortness of breath; (vi) unusual bleeding; or (vii) paralysis

(b) có hoặc không có sốt: (i) phát ban cấp tính trên da; (ii) nôn dữ dội (không phải do say sóng); (iii) ỉa chảy dữ dội; hoặc (iv) co giật/*(b)* with or without fever: (i) any acute skin rash or eruption, (ii) severe vomiting (other than see sickness), (iii) severe diarrhoea; or (iv) recurrent convulsions.

Tôi xin cam đoan những thông tin, những câu trả lời và các báo cáo chi tiết kèm theo là sự thật và đúng với sự hiểu biết và tin tưởng của tôi/I hereby declare that the particulars and answers to the questions given in this Declaration of Health (including the schedule) are true and correct to the best of my knowledge and belief

Ký tên/Signed/.....

Thuyền trưởng/Master.....

Ký xác nhận/Countersigned.....

Bác sĩ trên tàu (nếu có)/Ship's Surgeon (if carried).....

Ngày..... tháng...../Date.....

MẪU TỜ KHAI Y TẾ HÀNG HẢI ĐÍNH KÈM
ATTACHMENT TO MODEL OF MARITIME DECLARATION OF HEALTH

Họ tên/ Name	Đối tượng/ Class or rating	Tuổi/ Age	Giới tính/ Sex	Quốc tịch/ Nationality	Tên cảng và ngày lên tàu/ Port, date joined ship/vessel	Chẩn đoán/ Nature of illness	Ngày xuất hiện triệu chứng/Date of onset of symptoms	Đã thông báo cho y tế cảng/ Reported to a port medical officer?	Kết quả xử lý[1]/ of case[2]	Thuốc hoặc điều trị khác đã áp dụng/ Drugs, medicines or other treatment given to patient	Ghi chú/ Comments

[1] Người bệnh đã bình phục, còn ốm hoặc đã chết/whether the person recovered, is still ill or died.

[2] Người bệnh vẫn ở trên tàu hay đã xuống (ghi rõ tên cảng hoặc sân bay xuống) hoặc đã được an táng trên biển/State/whether the person is still on board, was evacuated (including the name of the port or airport) or was buried at sea.

Mẫu số 53

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI KIỂM DỊCH THỰC VẬT
DECLARATION FOR PLANT QUARANTINE

Tên tàu:..... Quốc tịch tàu:.....
Name of ship Flag State of ship
Tên thuyền trưởng:..... Tên bác sỹ:.....
Name of master Name of doctor
Số thuyền viên:..... Số hành khách:.....
Number of crew Number of passengers
Cảng rời cuối cùng:..... Cảng đến tiếp theo:.....
Last port of call Next port of call

Cảng bốc hàng đầu tiên và ngày rời cảng đó:
The list port of loading and the date of departure:.....
Tên, số lượng, khối lượng hàng thực vật nhận ở cảng đầu tiên:
Name, quantity and weight of plant goods loaded at the first port:
.....
.....
.....
Tên, số lượng, khối lượng hàng thực vật nhận ở các cảng trung gian và tên các cảng đó:
Name, quantity, weight of plant goods loaded at the intermediate ports and the names of these ports:
.....
.....
.....
Tên, số lượng và khối lượng hàng thực vật cần bốc ở cảng này:
Name, quantity and weight of plant goods to be discharged at this port:
.....
.....
.....

Thuyền trưởng cam đoan những điều khai ở trên là đúng và chịu trách nhiệm chấp hành đầy đủ các quy định về kiểm dịch thực vật.

The Master guarantees the correctness of the above mentioned declarations and his responsibility for full compliance with the said regulations on plant quarantine.

....., ngày... tháng... năm 20...
Date.....
THUYỀN TRƯỞNG (ĐẠI LÝ HOẶC SỸ QUAN ĐƯỢC ỦY QUYỀN)
Master (Authorized agent or officer)

Mẫu số 54

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
DECLARATION FOR ANIMAL QUARANTINE

Tên tàu:..... Quốc tịch tàu:.....
Name of ship Flag State of ship

Tên thuyền viên:..... Tên hành khách:.....
Name of crew Name of passengers

Cảng rời cuối cùng:..... Cảng đến tiếp theo:.....
Last port of call Next port of call

Tên hàng động vật và sản phẩm động vật nhận ở cảng đầu tiên:
Animal and animal products loaded at the first port

.....

.....

Tên hàng động vật và sản phẩm động vật dỡ ở các cảng trung gian và tên cảng đó:
Animal and animal products loaded at the intermediate ports and the name of the ports

.....

.....

Tên hàng động vật và sản phẩm động vật dỡ ở cảng này:
Animal and animal products to be discharged at this port

.....

.....

Thuyền trưởng cam đoan những điều khai ở trên là đúng và chịu trách nhiệm chấp hành đầy đủ các quy định về kiểm dịch động vật.

The Master guarantees the correctness of the above mentioned declarations and his responsibility for full compliance with the said regulations on animal quarantine.

....., ngày... tháng... năm 20...
Date.....
Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

Mẫu số 55

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI.....

Số:...../GP

GIẤY PHÉP CHẠY THỬ TÀU

Tên tàu:..... Hô hiệu.....
Tên thuyền trưởng:.....
Số lượng thuyền viên:.....
Số người đi theo tàu:.....
Trọng tải:..... DWT
Chiều dài:.....
Mớn nước:.....
Được phép chạy thử tàu từ..... đến.....
và ngược lại.
Thời gian: Từ lúc... giờ... ngày...
tháng... năm.....
Đến..... giờ..... ngày.... tháng.... năm.....

....., ngày.... tháng.... năm....
GIÁM ĐỐC

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GP

GIẤY PHÉP CHẠY THỬ TÀU

Tên tàu:..... Hô hiệu.....
Tên thuyền trưởng:.....
Số lượng thuyền viên:.....
Số người đi theo tàu:.....
Trọng tải:..... DWT
Chiều dài:.....
Mớn nước:.....
Được phép chạy thử tàu từ..... đến..... và ngược lại.
Thời gian: Từ lúc..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....
Đến..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

....., ngày.... tháng.... năm....
GIÁM ĐỐC

Mẫu số 56

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Vietnam Maritime Administration	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Cảng vụ hàng hải.....	Socialist Republic of Vietnam
The Maritime Administration of.....	Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP QUÁ CẢNH
PERMISSION FOR TRANSIT

1. Cho phép tàu:..... Quốc tịch tàu:.....
Name of ship Flag State of ship
Hô hiệu:.....
Call sign
Tổng dung tích:..... GT Tên thuyền trưởng.....
Gross tonnage Name of master
Số thuyền viên:..... Số hành khách..... Hàng hóa quá cảnh:
Number of crews Number of passengers Transit cargo
Được phép quá cảnh Việt Nam từ:..... đến:.....
Permitted to be in transit through Vietnam from to
Khởi hành vào lúc;..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 20.....
Time of departure hour date month year

2. Khi quá cảnh, tàu này phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên. During transiting, the ship is bound to properly implement provisions of Vietnamese Laws, Regulations and the International Treaties of which Vietnam is a contracting Party.

3. Giấy phép này có giá trị đến ngày..... tháng..... năm.
Valid until

Số:...../GPQC
No

Ngày..... tháng..... năm 20...
Date.....
GIÁM ĐỐC
Director

Mẫu số 57

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

THÔNG BÁO TÀU RỜI CẢNG
NOTICE OF CLEARANCE OF VESSEL AT THE PORT

<table>
<tr><td colspan="2">1. Tên và loại tàu:
Name and type of ship</td><td>4. Cảng rời
Port of clearance</td><td>5. Thời gian rời
Time of clearance</td></tr>
<tr><td colspan="2">2. Số IMO:
IMO number</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">3. Hô hiệu:
Call sign</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>6. Quốc tịch tàu
Flag State of ship</td><td>7. Tên thuyền trưởng
Name of master</td><td colspan="2">8. Cảng rời cuối cùng/cảng đích:
Last port of call/port of destination</td></tr>
<tr><td colspan="2">9. Giấy chứng nhận đăng ký
(Số, ngày cấp, cảng)
Certificate of registry
(Number, date of issue, and Port)</td><td colspan="2">10. Tên và địa chỉ của chủ tàu
Name and address of the shipowners</td></tr>
<tr><td>11. Chiều dài lớn nhất
LOA</td><td>12. Chiều rộng
Breadth</td><td>13. Chiều cao tĩnh không
Clearance height</td><td>14. Mớn nước thực tế
Shown draft</td></tr>
<tr><td>15. Tổng dung tích GT</td><td>16. Trọng tải toàn phần
DWT</td><td colspan="2">17. Đại lý của chủ tàu tại Việt Nam (nếu có)
Name of the shipowners’ agents in Viet Nam (if any)</td></tr>
<tr><td colspan="4">18. Thông tin hàng hóa
18.1. Loại, tên, số lượng và đơn vị tính hàng hóa xếp tại cảng
Kind, name, quantity and unit of cargo on board
18.2. Loại, tên, số lượng và đơn vị tính hàng hóa dỡ tại cảng
Kind, name, quantity and unit of cargo dischaging at port</td></tr>
</table>

<table>
<tr><td colspan="3">18.3. Loại, tên, số lượng và đơn vị tính hàng hóa trên tàu trước khi rời cảng
Kind, name, quantity and unit of cargo on board before leaving</td></tr>
<tr><td>19. Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng):
Number of crew (incl. Master)</td><td>20. Số hành khách
Number of passengers</td><td>22. Ghi chú:
Remarks</td></tr>
<tr><td colspan="2">21. Những người khác trên tàu
Other persons on board</td><td></td></tr>
</table>

..., ngày... tháng... năm 20...
Date.....
Thuyền trưởng (hoặc đại lý)
Master (or authorized agent)

Mẫu số 58

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
Cảng vụ hàng hải.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP RỜI CẢNG
PORT CLEARANCE

Giấy phép rời cảng số:.....
Tên tàu:.....
Quốc tịch tàu:.....
Dung tích toàn phần:.....
Số lượng thuyền viên:.....
Số lượng hành khách:.....
Hàng hóa trên tàu:.....
Hàng hóa quá cảnh:.....
Rời cảng hồi..... giờ..... ngày.... tháng..... năm.....
Có hiệu lực đến..... giờ..... ngày.... tháng..... năm.....
Cảng đến.....
Cấp..... giờ..... ngày..../...../.....

GIÁM ĐỐC

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
Vietnam Maritime Administration
Cảng vụ hàng hải.....
The Maritime Administration of.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP RỜI CẢNG
PORT CLEARANCE

Tên tàu:..... Quốc tịch tàu:..... Hô hiệu..... Số đăng ký hành chính: (*).....
Name of ship Flag State of ship Call sign..... Official number
Dung tích toàn phần:..... Tên thuyền trưởng:.....
Gross tonnage Name of master
Số lượng thuyền viên:..... Số lượng hành khách:.....
Number of crews Number of passenger
Hàng hóa trên tàu:.....
Cargo
Hàng hóa quá cảnh:.....
Transit cargo
Thời gian rời cảng:..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....
Time of departure Date
Cảng đến:.....
Next port of call
Giấy phép rời cảng này có hiệu lực đến... giờ.... ngày.... tháng.... năm...
This port clearance is valid until
Giấy phép số:...../CV.....
N°

Ngày.....tháng....năm....
Date.....
GIÁM ĐỐC
Director

(*) Mục này chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.
Only for inland waterway ships.

Mẫu số 59

BẢN KHAI CHUNG

(Cho phương tiện thủy nội địa)

	☐ Đến	☐ Rời
1. Tên phương tiện:	5. Tên cầu, bến cảng sẽ cập:	6. Thời gian hoạt động tại cảng: Từ ngày..... Đến ngày.....
2. Số đăng ký:		
3. Dung tích:	7. Cảng, bến rời cuối cùng	8. Cảng/bến kế tiếp
4. Trọng tải:		
9. Tên thuyền trưởng		
10. Tên, địa chỉ, số điện thoại của chủ phương tiện:		
11. Hàng hóa, số lượng xếp/dỡ:		
12. Ghi chú:		
13. Mã số Giấy phép rời cảng, bến điện tử (*):		

(*) Mục này chỉ khai khi phương tiện đến cảng

..., ngày... tháng... năm 20...

Thuyền trưởng (hoặc đại lý)

Mẫu số 60

DANH SÁCH THUYỀN VIÊN

(Cho phương tiện thủy nội địa)

☐ Đến ☐ Rời

Tên phương tiện:			
STT	Họ và tên	Chức danh	Số Bằng, Giấy chứng nhận

..., ngày... tháng... năm 20...

Thuyền trưởng (hoặc đại lý)

Mẫu số 61

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

(Cho phương tiện thủy nội địa)

☐ Đến ☐ Rời

Tên tàu:			
TT	Họ và tên	Ngày và nơi sinh	Số hộ chiếu/GCMND/ Thẻ căn cước

..., ngày... tháng... năm 20...

Thuyền trưởng (hoặc đại lý)

Mẫu số 62

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI.....

Số:...../GP

GIẤY PHÉP VÀO/RỜI CẢNG, BIỂN

Tên phương tiện:.....
Số đăng ký:.....
Trọng tải.....
Tên thuyền trưởng:.....
Trọng tải.....
Vào cảng, bến:.....
Cập mạn tàu:..... Đậu tại cầu, phao
Hàng dỡ..... Số lượng.....
Tấn/Teu.....
Hàng xếp:..... Số lượng.....
Tấn/Teu.....
Trong thời hạn: từ ngày...../..../.....
đến ngày.../..../...
Được rời cảng lúc.... giờ ngày....
tháng... năm...
Cảng, bến đến:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....
GIÁM ĐỐC

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI

Số:..... /GP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP VÀO/RỜI CẢNG, BIỂN
(Cho phương tiện thủy nội địa)

Cho phép phương tiện thủy:..... Số đăng ký:.....
Tên thuyền trưởng:.....
Trọng tải.....
Vào cảng, bến:.....
Cập mạn tàu:..... tại cầu, phao:.....
Hàng dỡ:..... số lượng..... Tấn/Teu.....
Hàng xếp:..... số lượng..... Tấn/Teu.....
Trong thời hạn: từ giờ.... ngày... tháng... năm.... đến..... giờ..... tháng....năm....
Được rời cảng lúc..... giờ..... ngày..... tháng.... năm.....
Cảng, bến đến:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....
GIÁM ĐỐC

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng